


“ **KỀ VAI SÁT CẢNH** ”



 Số 648, Đường Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

 (028) 38 277 178 - (028) 38 27 27 27

 www.vinasun.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG VIỆT NAM

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát 07
- Các giải thưởng nổi bật trong năm 09
- Quá trình hình thành và phát triển 11
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh 13
- Mô hình quản trị và bộ máy quản lý 15
- Định hướng phát triển 17
- Các yếu tố rủi ro 21

CHƯƠNG 2: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động SXKD 27
- Tổ chức và nhân sự 29
- Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án 40
- Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty 41
- Tình hình tài chính 45
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu 49

CHƯƠNG 3: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA TGĐ

- Đánh giá kết quả hoạt động SXKD 53
- Tình hình tài chính 55
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý 57
- Kế hoạch phát triển trong tương lai 59

CHƯƠNG 4: ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động 63
- Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban TGĐ 64
- Các kế hoạch, định hướng của HĐQT 65

CHƯƠNG 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị 69
- Ban Kiểm soát 73
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS và Ban TGĐ 75

CHƯƠNG 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Ý kiến kiểm toán 81
- Báo cáo tài chính được kiểm toán 83



01

THÔNG TIN CHUNG

• Thông tin khái quát	07
• Các giải thưởng nổi bật trong năm	09
• Quá trình hình thành và phát triển	11
• Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	13
• Mô hình quản trị và bộ máy quản lý	15
• Định hướng phát triển	17
• Các yếu tố rủi ro	21



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên công ty Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

Tên Tiếng Anh Vietnam Sun Corporation

Tên viết tắt VINASUN Corp.

Vốn điều lệ 678.591.920.000 đồng

Giấy CNĐKDN Số 4103001723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM cấp lần đầu ngày 17/07/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 31 ngày 07/05/2018

Trụ sở chính Số 648, Đường Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại (028) 38 277 178 - (028) 38 27 27 27

Fax (028) 39 526 410

Vốn điều lệ www.vinasun.vn

CÁC GIẢI THƯỞNG VÀ GHI NHẬN NỔI BẬT TRONG NĂM



NĂM 2021

- Thương hiệu vàng lĩnh vực thương mại & dịch vụ do Sở Công Thương và Thời báo Kinh tế Sài Gòn thực hiện.

NĂM 2020

- Thương hiệu vàng lĩnh vực thương mại & dịch vụ do Sở Công Thương và Thời báo Kinh tế Sài Gòn thực hiện.
- Doanh nghiệp Tp. Hồ Chí Minh tiêu biểu do Hiệp hội Doanh nghiệp Tp. Hồ Chí Minh.
- Giải thưởng Vô lăng Vàng (Giải tập thể/Công ty) do UB ATGT quốc gia - Bộ GTVT trao tặng.

NĂM 2019

- Top 500 Doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất do Vietnam Report phối hợp cùng Báo VietnamNet công bố.
- Top 10 Dịch vụ chất lượng vàng vì quyền lợi người tiêu dùng do VISAHO JSC lựa chọn.

NĂM 2018

- Doanh nghiệp Tp. Hồ Chí Minh tiêu biểu do Hiệp hội Doanh nghiệp Tp. Hồ Chí Minh.

NĂM 2017

- Doanh nghiệp Du lịch hàng đầu nhiều năm liền (2013-2017), góp phần tích cực trong phong trào thi đua của thành phố do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trao tặng.
- Top 10 hãng Vận chuyển khách du lịch hàng đầu do Sở Du lịch Tp. HCM vinh danh.

NĂM 2016 - NĂM 2015

- Top 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam do Tạp chí Nhịp Cầu Đầu Tư phối hợp cùng Công ty Chứng khoán Thiên Việt thực hiện.
- Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất do Tạp chí Forbes Việt Nam công bố.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1995

Tiền thân của Công ty là Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ và Lữ hành Tư Vấn Đầu Tư Ánh Dương Việt Nam được thành lập với vốn điều lệ là 300 triệu đồng.

2003 - 2006

- Kinh doanh Taxi được chính thức đưa vào hoạt động với thương hiệu TAXI VINASUN. Chuyển đổi thành công ty cổ phần Ánh Dương Việt Nam với vốn điều lệ là 8 tỷ đồng.
- Tăng vốn điều lệ lên 16 tỷ đồng để đầu tư thêm xe mới cho hoạt động dịch vụ Taxi. Thành lập chi nhánh Bình Dương.

2007

Công ty tăng vốn điều lệ lên 170 tỷ đồng bằng cách phát hành thêm cổ phiếu nhằm tái cơ cấu nợ vay. Củng cố thị trường tại khu vực Bình Dương. Đầu tư thêm xe mới và các dự án bất động sản.

2012 - 2013

- Hoàn thiện tiện ích thanh toán online; Số lượng xe: 4.622 chiếc.
- Sau nhiều đợt tăng vốn, vốn điều lệ công ty là 434.998.180.000 đồng và vốn chủ sở hữu là 1.153,4 tỷ.

2014 - 2015

- Tăng vốn điều lệ tăng lên 565.495.260.000 đồng. Vốn chủ sở hữu 1.284,3 tỷ; Số lượng xe 5.729 chiếc.
- Khai trương Chi nhánh Khánh Hòa.
- Tháng 1/2019, SOVI chính thức trở thành Công ty Cổ phần, không còn vốn Nhà nước.

2017

Công ty tiếp tục củng cố vị thế trên thị trường vận chuyển taxi bằng cách triển khai đồng loạt các địa bàn kinh doanh mới: Quảng Nam, Quảng Ngãi, Phú Yên, Bình Thuận, Kiên Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp, An Giang, Bình Phước, Cần Thơ, Thừa Thiên Huế; Thực hiện mô hình chuyển nhượng.

2008

Trở thành một trong những hãng taxi sở hữu số đầu xe lớn nhất Tp. HCM, cùng với 55 đội xe và 6.196 tài xế. Mở rộng thêm địa điểm hoạt động ở Đồng Nai. Cổ phiếu của công ty chính thức được niêm yết tại Sở GDCK TP. Hồ Chí Minh vào ngày 23/07/2008.

- Tăng vốn điều lệ lên 200 tỷ đồng theo hình thức phát hành thêm cổ phiếu.
- Đạt thương hiệu taxi hàng đầu được người tiêu dùng bình chọn. Công ty sở hữu số lượng xe: 2.793 xe cùng 60 đội và hơn 6.000 tài xế.

2009

- Thay đổi hệ thống nhận diện thương hiệu mới. Số lượng xe: 4000 chiếc với 67 đội xe và hơn 8.000 tài xế.
- Tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ đồng theo hình thức phát hành cổ phiếu thưởng. Khai trương chi nhánh tại Vũng Tàu và Vinasun Green taxi tại Đà Nẵng.

2010

- Triển khai hàng loạt các địa bàn kinh doanh mới: Đắk Lắk, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Hậu Giang, Tây Ninh.
- Thực hiện mô hình hợp tác kinh doanh.
- Tạm dừng các chi nhánh: Đắk Lắk, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Hậu Giang, Tây Ninh, An Giang, Bình Phước, Cần Thơ để tập trung vào khai thác thị trường vận chuyển tại TP. Hà Nội. Đồng hành cùng Kênh 365 FM thực hiện chương trình mang tên "BẠN CHUNG ĐƯỜNG".

2018 - 2019

- Công ty tiếp tục hoàn thiện các tính năng của Vinasun App cùng hệ thống tổng đài, bổ sung chức năng chốt giá trên App giúp khách hàng biết trước số tiền phải trả cho lộ trình định sẵn.
- Đồng thời, Vinasun Corp tiếp tục triển khai việc chuyển nhượng xe dưới hình thức trả chậm cho tài xế để kinh doanh taxi theo phương thức thương quyền.

2020

- Công ty đã hoàn thiện dịch vụ thanh toán online trả trước (VNS Prepaid) thông qua việc liên kết với các ngân hàng và các ví điện tử lớn như MoMo, Payoo
- Hoàn thiện các tính năng của Vinasun App cùng hệ thống tổng đài, bổ sung chức năng chốt giá trên App giúp khách hàng biết trước số tiền phải trả cho lộ trình định sẵn.
- Tiếp tục triển khai việc chuyển nhượng xe dưới hình thức trả chậm cho anh em lái xe để kinh doanh taxi theo phương thức thương quyền với công ty.

2021

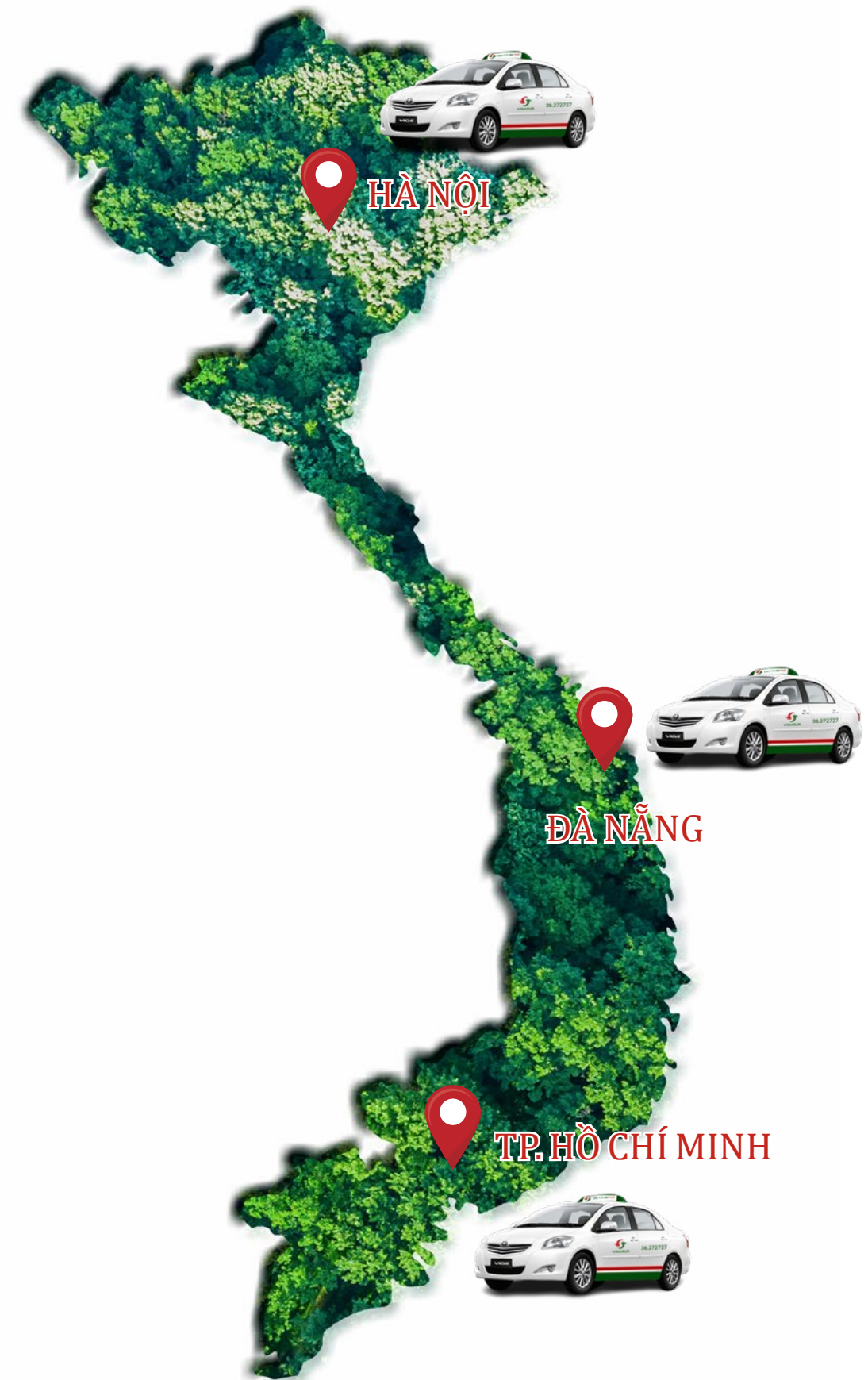
NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

- Cung cấp các dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi;
- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng;
- Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa và quốc tế;
- Đại lý bán vé máy bay;
- Cho thuê mặt bằng.

Địa bàn kinh doanh

Địa bàn hoạt động cũng như thị trường mà Vinasun Corp đang hoạt động hiện nay trải dài từ miền Bắc cho tới miền Nam. Đặc biệt Vinasun Corp tập trung đẩy mạnh dịch vụ vận tải và lữ hành ở các thành phố lớn, trọng điểm nước ta như: Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Đồng Nai, Bà Rịa – Vũng Tàu và Bình Dương.

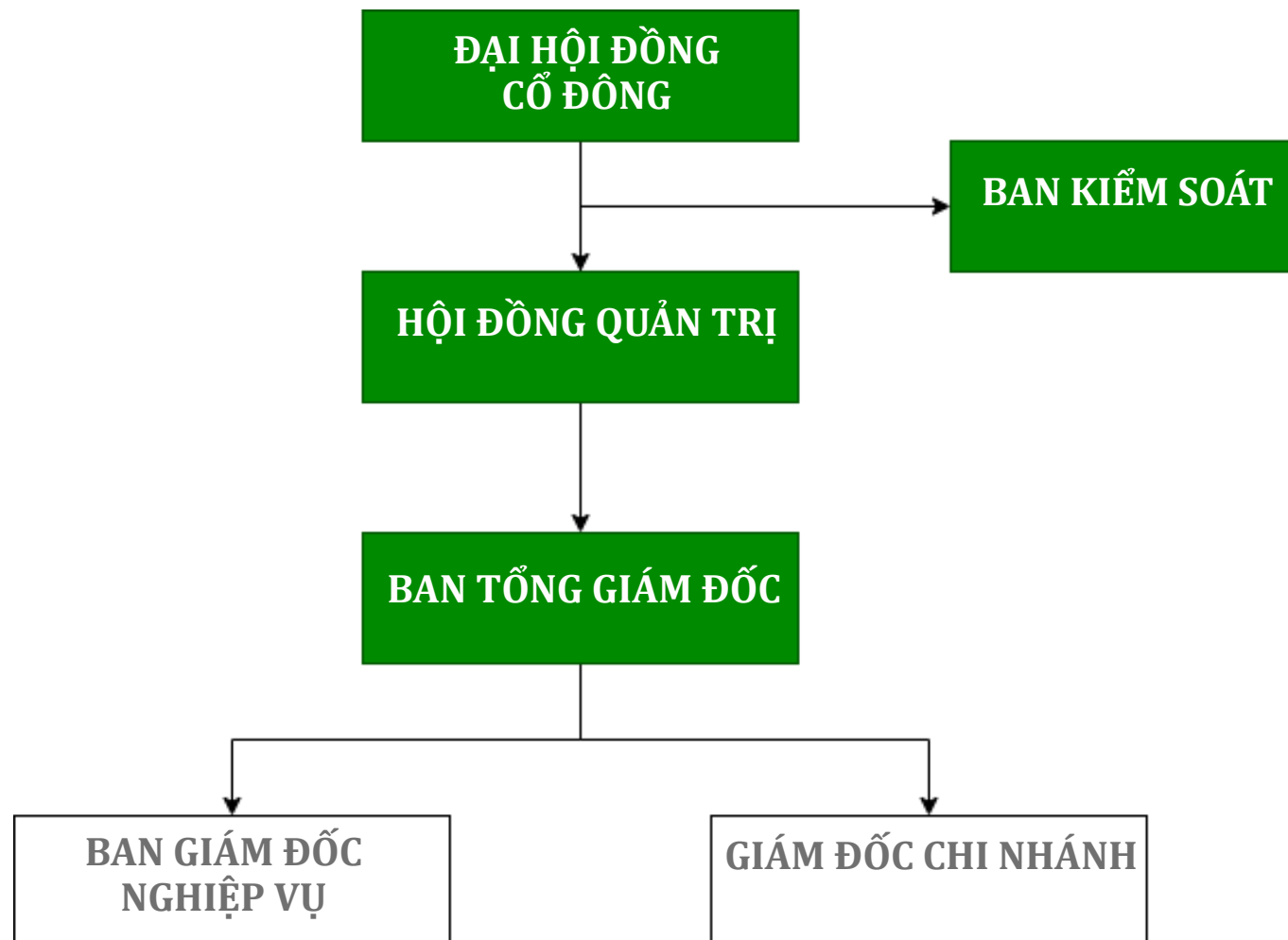


MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình quản trị

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp, mô hình quản trị công ty gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.

Bộ máy quản lý



Công ty con

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	Tỷ lệ sở hữu của Công ty
1	Công ty Cổ phần Ánh Dương Xanh Việt Nam (ADX)	277 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Hòa Cường Bắc, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi	90%



CÁC CHI NHÁNH

- Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Đồng Nai
- Chi nhánh Bình Dương
- Chi nhánh Đồng Tháp
- Chi nhánh Vũng Tàu (*)
- Chi nhánh Khánh Hòa (*)
- Chi nhánh Quảng Ngãi (*)
- Chi nhánh Bình Thuận (*)
- Chi nhánh Kiên Giang (*)
- Chi nhánh Vĩnh Long
- Chi nhánh Phú Yên (*)
- Chi nhánh Hà Nội (*)

(*) Các chi nhánh tạm ngưng hoạt động trong năm

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Tầm nhìn và sứ mệnh

Tầm nhìn

Với khẩu hiệu “Kề vai sát cánh”, ngay từ những ngày đầu thành lập Vinasun Corp đã xác định con đường phát triển của mình dựa trên sự hợp tác vững mạnh, dài lâu và bền vững, cộng với trí tuệ của bộ máy điều hành là nền tảng của hệ thống. Đây là những yếu tố cốt lõi để Vinasun Corp mở rộng phát triển để trở thành doanh nghiệp hùng mạnh trong tương lai.



Sứ mệnh

Ở Vinasun Corp, chúng tôi sẽ tiếp tục phát triển như là một “công dân” của sự phát triển tốt nhất toàn cầu. Vinasun Corp luôn tìm kiếm và tạo ra những giá trị bằng cách cung cấp các dịch vụ khách hàng tốt nhất, thỏa mãn khách hàng cao nhất. Thông qua sứ mệnh này, chúng tôi hướng đến sự phát triển, mang đến những lợi ích, ấp ủ sự thành công không những cho những nhà đầu tư, cổ đông, những đối tác mà còn cho toàn bộ những mối quan hệ trong mắc xích giá trị trên toàn thế giới.

Giá trị cốt lõi

Đối với khách hàng - ước mơ của chúng tôi là mang lại cho khách hàng các dịch vụ tốt nhất và thỏa mãn nhất.

Đối với cán bộ công nhân viên - mỗi thành viên trong Công ty là một giá trị và Vinasun Corp là môi trường để gia tăng giá trị.

Về chất lượng - chúng tôi luôn hướng tới sự tin tưởng và tin yêu của khách hàng.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng

Mục tiêu đối với môi trường

Công ty thực hiện chính sách sử dụng năng lượng sạch nhằm đáp ứng đồng thời cả 2 mục tiêu là cải thiện môi trường và tiết kiệm chi phí. Cụ thể, đối với khối văn phòng Vinasun Corp đã tuân thủ quy định tiết kiệm năng lượng bằng cách tắt các thiết bị điện khi không sử dụng cũng như đưa ra các hình phạt, kỷ luật đối với nhân viên có hành vi lãng phí tài nguyên điện, nước của công ty. Bên cạnh đó công ty còn đang lên kế hoạch thí điểm và triển khai dự án xe taxi điện trong tương lai nhằm giảm thiểu khí thải từ các xe chạy bằng xăng thông thường.



Ngoài ra, Vinasun Corp luôn lắng nghe và đón nhận các phản hồi, đóng góp từ phía khách hàng cũng như từ công nhân viên Công ty. Cụ thể:

- Đầu tư nghiên cứu và phát triển hệ thống phần mềm đặt xe trực tuyến trên điện thoại thông minh.
- Nghiên cứu và cải thiện thêm các chính sách phúc lợi cho cán bộ và công nhân viên Công ty.

Mục tiêu đối với xã hội và cộng đồng

Chúng tôi cố gắng hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm với xã hội thông qua thực hiện các mục tiêu:

- Vinasun Corp luôn đặt mục tiêu an toàn giao thông lên hàng đầu. Do vậy Công ty đã tích cực tổ chức các buổi huấn luyện đào tạo cho tài xế lái xe về an toàn giao thông, tham gia ký kết đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông cùng công an và tham gia các hoạt động tuyên truyền ý thức thực hiện văn hóa, luật lệ giao thông.
- Công ty thực hiện chính sách phát triển bền vững đảm bảo hài hòa các lợi ích về dịch vụ hoạt động vận chuyển khách hàng.
- Đảm bảo các khoản đóng góp đối với cộng đồng như: thuế, các nghĩa vụ và đóng góp xã hội khác.

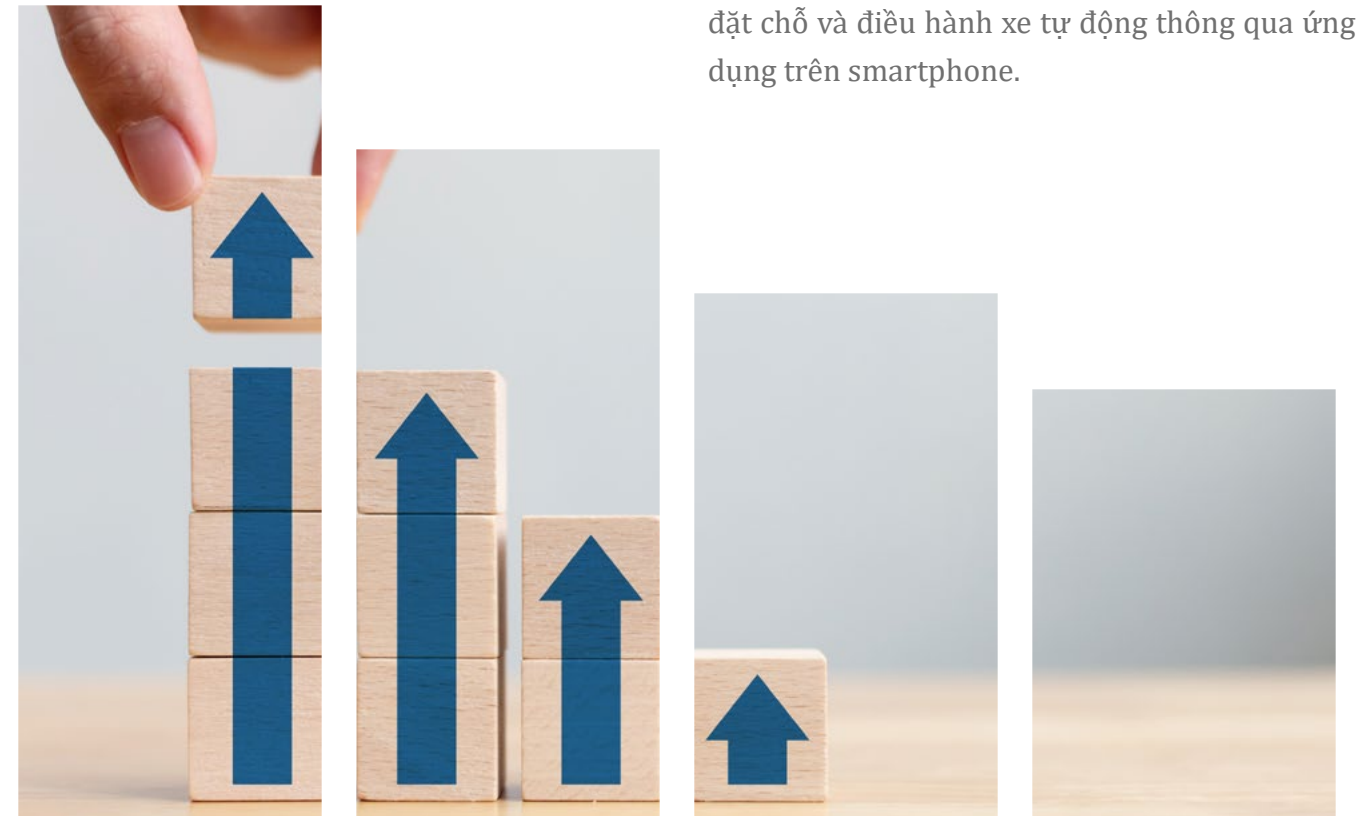
Các chiến lược trong tương lai

Chiến lược ngắn hạn

- Lấy khách hàng làm trung tâm, Vinasun Corp tiếp tục đẩy mạnh việc cải thiện chất lượng dịch vụ, nghiên cứu và phát triển các tính năng tiện ích trên ứng dụng đặt xe Vinasun App đáp ứng nhu cầu của khách hàng cùng với giá cả hợp lý;
- Tiếp tục giữ vững và phát huy vị thế thương hiệu doanh nghiệp uy tín nội địa và xây dựng kế hoạch cạnh tranh với các thương hiệu nước ngoài;
- Xây dựng chính sách, chế độ phúc lợi hấp dẫn nhằm giữ chân cũng như thu hút thêm các tài xế có kinh nghiệm.

Chiến lược trung - dài hạn

- Tối đa hóa lợi ích cho cổ động và các bên đối tác liên quan;
- Tái cấu trúc Công ty theo hướng tinh gọn, hiệu quả đảm bảo khả năng cơ động trong việc đa dạng hóa các loại hình kinh doanh và phương thức kinh doanh;
- Xây dựng và phát triển văn hoá doanh nghiệp: Văn minh – Lịch sự – Chuyên nghiệp;
- Nâng cao chất lượng dịch vụ: thường xuyên thay thế xe mới phù hợp với thị hiếu của khách hàng, thiết lập các tiện ích trên xe như LCD, nâng cấp hệ thống thanh toán Online, áp dụng hệ thống quản lý và điều hành xe thông qua GPS, hệ thống đặt chỗ và điều hành xe tự động thông qua ứng dụng trên smartphone.



CÁC YẾU TỐ RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Năm 2021 là một năm đầy thách thức với kinh tế Việt Nam, dịch Covid-19 đã ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế. Trước tình hình đó, Chính phủ đã ban hành các biện pháp giãn cách xã hội nhằm hạn chế việc di chuyển của người dân để phòng chống sự lây lan của dịch bệnh. Điều này đã khiến, ngành vận tải gần như “tê liệt”, lượng hành khách đi lại sụt giảm khiến các doanh nghiệp kinh doanh ngành vận tải điêu đứng. Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải hành khách, Vinasun Corp cũng không tránh khỏi những tác động mà các doanh nghiệp cùng ngành đang gánh chịu.

Ban lãnh đạo Công ty thường xuyên cập nhật và xem xét những biến động kinh tế nhằm kịp thời xây dựng những phương án ứng phó phù hợp. Bên cạnh đó, Vinasun Corp đã và đang làm rất tốt các biện pháp bảo đảm an toàn mùa dịch để bảo vệ cả tài xế và hành khách như các tài xế của Công ty đều được tiêm đủ 2 liều vắc xin phòng chống Covid-19 theo quy định của Bộ Y tế, sử dụng khẩu trang cho tài xế khi tham gia chở khách, cung cấp dung dịch sát khuẩn cho tài xế và hành khách, thực hiện vệ sinh xe thường xuyên, khách hàng có thể thực hiện thanh toán qua các ví điện tử hay thanh toán qua thẻ ngân hàng,...

Rủi ro pháp luật

Vinasun Corp là một doanh nghiệp hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, đã niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM nên hoạt động của Vinasun Corp chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các văn bản pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán. Ngoài ra, kinh doanh vận tải hành khách taxi là ngành phải chịu sự quản lý chặt chẽ của Nhà nước như về các Nghị định, Thông tư có liên quan. Ngoài việc đăng ký kinh doanh vận tải hành khách thì các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ taxi phải gắn phù hiệu, hộp đèn, đồng hồ tính tiền cước,...

Bên cạnh việc chấp hành các điều luật theo pháp luật hiện hành. Để hạn chế rủi ro về mặt pháp lý, Công ty chủ động xây dựng bộ phân pháp lý để cập nhật liên tục các văn bản luật, triển khai luật với các nhân viên những vấn đề có liên quan nhằm tuân thủ đúng quy định của pháp luật, đảm bảo hiệu quả hoạt động tốt nhất cũng như tránh những sai phạm không đáng có.



Rủi ro cạnh tranh

Sự bùng nổ của cuộc Cách mạng công nghệ 4.0 đã làm thay đổi cục diện ngành kinh doanh vận tải. Sự tham gia của các hãng taxi công nghệ cũng đã gây không ít áp lực đối với Công ty. Theo đó, các hãng taxi công nghệ đã tận dụng ưu thế về mặt tài chính để khuyến mãi, giành khách hàng bằng mọi hình thức như áp dụng giá cước thấp hơn giá thành, đã tác động mạnh đến sự chọn lựa của người tiêu dùng. Bên cạnh đó, cạnh tranh giữa các công ty dịch vụ taxi truyền thống trong nước cũng khá gay gắt.



Trong bối cảnh chịu áp lực cạnh tranh gay gắt với những hãng taxi công nghệ, Vinasun đã nỗ lực cải tổ, tái cấu trúc để thích nghi với cuộc chơi mới, chuyển mô hình từ quản lý xe sang hợp tác thương quyền, nhượng quyền với tài xế, tăng cường tìm kiếm các khách, gia tăng đội xe chiếm lĩnh thị trường. Các hãng vận tải công nghệ khác thường chỉ tập trung hoạt động ở những thành phố lớn, nơi có cơ sở hạ tầng về công nghệ tốt. Nhận thấy được điều đó, Vinasun Corp đã tận dụng triệt để lợi thế “sân nhà”, chủ động thay đổi theo hướng vẫn giữ phương án kinh doanh taxi truyền thống nhưng kết hợp với phát triển công nghệ, phần mềm hiện đại, thúc đẩy việc mở rộng địa bàn hoạt động ra một số thị trường.

CÁC YẾU TỐ RỦI RO

Rủi ro giá nguyên vật liệu

Hoạt động kinh doanh chính của Vinasun Corp là dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi nên biến động giá xăng dầu ảnh hưởng trực tiếp đến giá vốn dẫn đến lợi nhuận của Công ty bị ảnh hưởng. Do áp lực cạnh tranh cao, Vinasun Corp buộc phải điều chỉnh giá. Tuy nhiên, việc điều chỉnh giá cước với taxi rất tốn kém vì “chi phí thực đơn” cũng như là Luật quy định chặt chẽ về giá cước, xe phải nghỉ một buổi, đến cơ quan chức năng điều chỉnh đồng hồ, thay bảng thông báo giá dán trên xe,...

Do đó, để điều tiết rủi ro do biến động giá xăng dầu, Vinasun Corp chủ động theo dõi tình hình kinh tế - chính trị thế giới để xây dựng kịch bản ứng phó kịp thời, nắm bắt cơ hội nhanh chóng để đạt được những mục tiêu đề ra. Đồng thời, Công ty có thể thực hiện điều chỉnh giá thông qua chiết khấu thương mại thay vì điều chỉnh giá thực sự. Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo đã tìm kiếm các nhà cung cấp tiềm năng cũng như các nguồn nguyên liệu khác với giá cả thấp nhưng chất lượng được đảm bảo.

Rủi ro sản phẩm thay thế

Nền kinh tế nước ta đang ngày một phát triển, quá trình đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ, dân cư tập trung vào các thành phố lớn ngày càng tăng, nhưng cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ gây ra tình trạng kẹt xe, ô nhiễm tiếng ồn, ô nhiễm không khí do khí thải của các phương tiện tham gia giao thông. Vì vậy hiện nay, Nhà nước đẩy nhanh thực hiện quy hoạch đô thị và giao thông, trong đó chú trọng xây dựng hệ thống giao thông công cộng kết hợp với việc thí điểm sử dụng các phương tiện sử dụng năng lượng điện thay cho xăng dầu nhằm giảm thiểu lượng khí thải trong tương lai. Các tuyến đường sắt đô thị, các tuyến xe buýt nhanh và các loại hình giao thông công cộng mới như tàu điện ngầm, xe buýt sông... hoàn thành và được đưa vào sử dụng chính thức thì người dân sẽ có thêm nhiều lựa chọn phương tiện đi lại. Đây là rủi ro tiềm ẩn cho các đơn vị vận chuyển hành khách nói chung và Vinasun Corp nói riêng.

Chính vì vậy để giảm thiểu những rủi ro sản phẩm thay thế, Vinasun Corp đã lên kế hoạch đầu tư vào các dòng xe điện thay thế trong tương lai. Đào tạo đội ngũ lao động chuyên nghiệp để gia tăng độ hài lòng của khách hàng. Đồng thời, Công ty tăng cường truyền thông nhận diện thương hiệu, thu hút khách hàng sử dụng dịch vụ.



Rủi ro biến động nguồn nhân lực

Trước sức hút mạnh mẽ từ các công ty vận tải công nghệ, thị phần ngành vận tải ngày càng trở lên cạnh tranh hơn bao giờ hết. Sự phát triển mạnh mẽ của các công ty vận tải công nghệ là một trong số những nguyên nhân lớn khiến các tài xế nghỉ việc ở Công ty.

Để giữ chân được tài xế, Vinasun Corp đã tăng mức chiết khấu, thu nhập, chế độ phúc lợi cho tài xế. Đồng thời, thông qua các chương trình radio “Bạn chung đường”, “Kề vai sát cánh” tạo ra sự tương tác, kết nối giữa những tài xế, giúp họ có thể chia sẻ những câu chuyện thú vị về chuyện đời, chuyện nghề của mình.

Rủi ro bất khả kháng

Hoạt động kinh doanh của Công ty còn chịu tác động như dịch bệnh, thiên tai, biến đổi khí hậu, vấn đề chính trị... đây là những rủi ro bất khả kháng gây ra thiệt hại về người và tài sản.

Công ty đã lập ra những biện pháp dự phòng nếu thiệt hại xuất phát từ những nguyên nhân bất khả kháng nhằm giảm tổn thất về con người lẫn tài sản Công ty. Cụ thể, Vinasun Corp đã đầu tư vào các hệ thống phòng chống cháy nổ cũng như các thiết bị an toàn, bảo hộ lao động cho tài xế cũng như khách hàng. Thường xuyên kiểm tra xe định kỳ tại các cơ sở bảo dưỡng của Vinasun Corp.



02



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

• Tình hình hoạt động SXKD	27
• Tổ chức và nhân sự	29
• Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án	40
• Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty	41
• Tình hình tài chính	45
• Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	49

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả hoạt động SXKD

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm 2021/2020
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	1.073.353	500.482	-53,37%
2	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.006.002	484.680	-51,82%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(275.229)	(266.538)	-
4	Lợi nhuận trước thuế	(210.715)	(276.750)	-
5	Lợi nhuận sau thuế	(210.578)	(277.167)	-

Trước tình hình tăng trưởng không mấy thuận lợi của toàn bộ nền kinh tế, Vinasun Corp cũng chịu sự ảnh hưởng nặng nề. Cụ thể, tổng doanh thu và thu nhập khác của Vinasun lũy kế tính đến 31/12/2021 đạt 500,48 tỷ đồng giảm 53,37% so với năm 2020.

Nguyên nhân là do trong năm 2021 TP. Hồ Chí Minh nói riêng và Việt Nam nói chung phải giãn cách xã hội kéo dài làm gián đoạn quá trình hoạt động của hầu hết các doanh nghiệp. Đặc biệt là nhóm ngành dịch vụ du lịch, vận tải hành khách phải chịu tác động nghiêm trọng nhất. Trong đó, Vinasun Corp là một doanh nghiệp chuyên về dịch vụ vận tải hành khách cũng không tránh khỏi tác động do dịch bệnh gây ra. Cụ thể, việc thực hiện nghiêm ngặt các quy định về giãn cách xã hội cũng như các chỉ thị 15 và 16 của Thủ tướng Chính phủ, đã dẫn đến việc các hoạt động vận tải hành khách của Vinasun Corp tại TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh ở phía Nam (Địa bàn hoạt động chính của Vinasun Corp) gần như bị đóng băng hoàn toàn trong năm 2021.



Tình hình thực hiện so với kế hoạch

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2021	Kế hoạch Năm 2021	% TH/KH 2021
1	Tổng doanh thu	500,48	1.095,8	45,67%
2	Lợi nhuận trước thuế	(276,75)	(79)	-
3	Lợi nhuận sau thuế	(277,17)	(79)	-

Tổng doanh thu của Công ty năm 2021 đạt 500,48 tỷ đồng, chỉ đạt 45,67% so với kế hoạch đã đề ra do tình hình cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường dịch vụ taxi và ảnh hưởng của dịch bệnh. Điều này dẫn đến lợi nhuận sau thuế của Công ty bị ảnh hưởng nghiêm trọng, lỗ 277,17 tỷ đồng.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban lãnh đạo

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ				
1	Ông Đặng Phước Thành	Chủ tịch HĐQT	16.907.888 CP	24,92%
2	Ông Trương Đình Quý	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ	6.318 CP	0,01%
3	Ông Trần Anh Minh	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ	15.794 CP	0,02%
4	Ông Tạ Long Hỷ	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ	3.158 CP	0,00%
5	Bà Huỳnh Thanh Bình Minh	Thành viên HĐQT	0 CP	0 %
6	Ông Trương Vĩnh Tùng	Thành viên HĐQT	ĐD Satra: 4.689.070 CP	ĐD Satra: 6,91%
7	Ông Hồ Kim Trường	Thành viên HĐQT	55.000 CP	0,08%
8	Ông Đặng Công Luận	Thành viên HĐQT	10.660 CP	0,02%
9	Ông Nguyễn Đình Thanh	Thành viên HĐQT	0 CP	0 %
BAN KIỂM SOÁT				
1	Bà Trần Thị Thu Hiền	Trưởng BKS	0 CP	0%
2	Bà Mai Thị Kim Hoàng	Thành viên BKS	34.052 CP	0,005%
3	Bà Đỗ Thị Thám Hoa	Thành viên BKS	ĐD Satra: 681.230 CP	ĐD Satra: 1%

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC				
1	Đặng Thị Lan Phương	Tổng Giám đốc	15.794 CP	0,02%
2	Tạ Long Hỷ	Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	3.158 CP	0%
3	Trương Đình Quý	Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	6.318 CP	0,01%
4	Trần Anh Minh	Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	15.794 CP	0,02%
5	Huỳnh Văn Sĩ	Phó Tổng Giám đốc	15.794 CP	0,02%
6	Đặng Thành Duy	Phó Tổng Giám đốc	0 CP	0%
7	Nguyễn Văn Mác	Phó Tổng Giám đốc	0 CP	0%
8	Nguyễn Thị Đăng Thư	Phó Tổng Giám đốc	1.300 CP	0%
9	Nguyễn Bảo Toàn	Phó Tổng Giám đốc	7 CP	0%
10	Đặng Phước Hoàng Mai	Phó Tổng Giám đốc	3.883 CP	0,01%

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Sơ yếu lý lịch HĐQT



Ông Đặng Phước Thành
Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1957
Trình độ chuyên môn: Cử nhân sinh hóa
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Mê Kông
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 16.907.888 cổ phiếu, chiếm 24,92% VĐL



Ông Trương Đình Quý
Thành viên HĐQT
kiêm Phó TGĐ

Năm sinh: 1959
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Khoa học - Quản lý GD; Cử nhân Luật; Cử nhân Kinh tế Chính trị.
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Phó Chủ tịch Hiệp Hội Doanh Nghiệp TP. HCM
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 6.318 cổ phiếu, chiếm 0,01% VĐL



Ông Trần Anh Minh
Thành viên HĐQT
kiêm Phó TGĐ

Năm sinh: 1965
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 15.794 cổ phiếu, chiếm 0,02% VĐL



Ông Tạ Long Hỷ
Thành viên HĐQT
kiêm Phó TGĐ

Năm sinh: 1951
Trình độ chuyên môn: Cao học Luật
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 3.158 cổ phiếu, chiếm 0,00% VĐL



Bà Huỳnh Thanh Bình Minh
Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1983
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Giám đốc đầu tư Quỹ đầu tư Tael Two Partners
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phiếu, chiếm 0% VĐL



Ông Trương Vĩnh Tùng
Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1975
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh Tế đối ngoại
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Phó TGĐ Công ty TM Sài Gòn MTV
- Thành viên HĐQT, VISSAN

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: Đại diện Satra: 4.689.070 cổ phiếu, chiếm 6,91% VĐL

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Sơ yếu lý lịch HĐQT



Ông Hồ Kim Trường
Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1949
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Chính trị
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Thành Viên HĐQT Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc Bến Lức, Long An
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 55.000 cổ phiếu, chiếm 0,08% VDL



Ông Đặng Công Luận
Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1953
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản Trị Kinh Doanh
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 10.660 cổ phần, chiếm 0,02% VDL



Ông Nguyễn Đình Thanh
Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1976
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản Trị Kinh Doanh
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Phó Giám Đốc - Công ty Bảo Hiểm PJICO Bến Thành
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phiếu, chiếm 0% VDL

Sơ yếu lý lịch BKS



Bà Trần Thị Thu Hiền
Trưởng BKS

Năm sinh: 1980
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán; Chứng chỉ kế toán trưởng.
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phần, chiếm 0% VDL



Bà Mai Thị Kim Hoàng
Thành viên BKS

Năm sinh: 1963
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế Ngành Kế toán, Thạc sĩ Luật.
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Giám đốc Công ty Cổ phần DV-DL Mê Kông
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 34.052 cổ phần, chiếm 0,005% VDL



Bà Đỗ Thị Thám Hoa
Thành viên BKS

Năm sinh: 1967
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Ngành kế toán
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Chuyên viên Kế toán - Tổng Công ty TM Sài Gòn - TNHH MTV
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: Đại diện Satra: 681.230 cổ phần, chiếm 1% VDL

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Sơ yếu lý lịch Ban TGD



Đặng Thị Lan Phương
Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1969
Trình độ chuyên môn: Tài chính - Kế toán
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 15.794 cổ phiếu, chiếm 0,02% VDL



Huỳnh Văn Sĩ
Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1957
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Vận tải
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 15.794 cổ phiếu, chiếm 0,02% VDL



Ông Đặng Thành Duy
Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1984
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Chợ Lớn (CLS);
- Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc CTCP Ánh Dương Xanh Việt Nam.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phiếu, chiếm 0% VDL



Ông Nguyễn Văn Mác
Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1975
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu, chiếm 0% VDL



Bà Nguyễn Thị Đăng Thư
Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 1974
Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 1.300 cổ phần, chiếm 0,00% VDL



Ông Nguyễn Bảo Toàn
Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1976
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Marketing
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 7 cổ phiếu, chiếm 0% VDL



Bà Đặng Phước Hoàng Mai
Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1974
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 3.883 cổ phiếu, chiếm 0,01% VDL

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Số lượng cán bộ, nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
A	Theo trình độ	1.877	100
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	134	7,10
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	189	10,02
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	6	0,32
4	Lao động phổ thông	1.548	82,56
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	1.877	100
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	534	28,30
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	1.069	56,65
3	Hợp đồng thử việc	274	15,05
C	Theo giới tính	1.877	100
1	Nam	1.613	86,01
2	Nữ	264	13,99

Tổng số cán bộ nhân viên công ty đến 31/12/2021 là 1.877 người trong đó:

Công ty Mẹ: 1.610 người

- Trực tiếp kinh doanh: 903
- Trực tiếp điều hành và hỗ trợ kinh doanh: 493 người (bao gồm Điều hành Tiếp thị - Điều hành xe - Tổng đài - các Chi nhánh và các Xưởng sửa chữa).
- Bộ phận gián tiếp: 214 người.

Công ty con (Vinsun Green): 267 người

Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Tổng số lượng người lao động (người)	5.486	4.692	3.643	1.877
Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/năm)	9,98	10,16	9,67	7,09



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Một số chính sách đối với người lao động

Về đào tạo

Với phương châm “Nhân lực là nguồn lực quan trọng nhất tạo nên thành công cho Công ty”, Công ty luôn chú trọng đến việc phát triển nguồn nhân lực với các chính sách đào tạo, tuyển dụng người tài nhằm chọn được những cá nhân tốt nhất cũng như xây dựng được một tập thể vững mạnh.

Môi trường công việc

Ngay từ những ngày đầu thành lập, Vinasun đã xác định phương châm hoạt động của Công ty là “Uy tín – Chất lượng – Giá cả hợp lý” và tập trung xây dựng đội ngũ nhân sự cốt lõi. Vinasun Corp tin rằng đầu tư cho nguồn nhân lực chính là khoản đầu tư sinh lời, bởi khi nhận được sự quan tâm, chăm sóc chu đáo, người lao động sẽ tận lực cống hiến cho sự phát triển của doanh nghiệp.

Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ về tiền lương cho người lao động theo đúng quy định. Cụ thể, người lao động được thanh toán lương theo quy chế của Công ty, căn cứ trên thang bảng lương do Nhà nước quy định, căn cứ trên mức độ hoàn thành công việc nhằm đảm bảo thu nhập và động viên, khuyến khích người lao động nâng cao năng suất. Ngoài ra, người lao động cũng nhận được các khoản phụ cấp, thưởng vượt năng suất, chất lượng dịch vụ, thưởng hoàn thành nhiệm vụ tháng, thưởng lễ tết, thưởng phong trào thi đua.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Loại xe	Số xe sở hữu đến 31/12/2020	Đầu tư trong năm 2021	Thanh lý và bán trả chậm trong năm 2021	Số xe sở hữu đến 31/12/2021
4 chỗ (Camry - Altis - Vios- Wigo)	1.597	70	863	804
7 chỗ (J new- Fortuner)	2.291		1.024	1.267
Tổng cộng	3.888	70	1.887	2.071

Trong đó:

Công ty Mẹ	3.555	70	1.665	1.960
Công ty con	333		222	111

Triển khai việc chuyển nhượng xe dưới hình thức trả chậm cho tài xế lái xe để kinh doanh taxi theo phương thức Thương quyền với Công ty.

Công ty mẹ đầu tư 70 xe, thanh lý 1.665 xe. Trong đó có 156 xe bán trả chậm cho lái xe để kinh doanh theo phương thức Thương quyền. Tổng số xe của Công ty Mẹ cuối năm 2021 là 1.960 xe. Công ty con (Vinasun Green) thanh lý 222 xe. Tổng số xe cuối năm 2021 là 111 xe. Đến cuối năm 2021, tổng số xe của Công ty là 2.071 xe kinh doanh taxi giảm 46,7% so với đầu năm.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Tác động lên môi trường

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải hành khách nên Vinasun Corp nên lượng phát thải khí nhà kính chủ yếu của công ty là phát thải gián tiếp thông qua việc sử dụng điện năng cũng như các loại nhiên liệu đầu vào cho xe taxi. Bên cạnh đó, lĩnh vực kinh doanh chính của Vinasun Corp là vận tải hành khách nên Công ty luôn ý thức được rằng việc tiết kiệm năng lượng không chỉ giảm thiểu chi phí mà còn giúp giảm tác động đến môi trường. Do đó, Công ty luôn xem vấn đề giảm thiểu phát thải khí nhà kính là một vấn đề ưu tiên hàng đầu trong việc vận hành và phát triển của Công ty.

» Vinasun Corp luôn muốn góp phần giảm tác động tiêu cực đến môi trường bằng những biện pháp thiết thực thông qua việc tổ chức các hoạt động đào tạo, truyền thông nội bộ nâng cao ý thức người lao động về bảo vệ môi trường

» Bên cạnh đó Công ty còn đang lên kế hoạch cẩn thận cho việc thí điểm sử dụng xe taxi bằng điện thay vì xe sử dụng nhiên liệu xăng dầu trong tương lai.



Tiết kiệm năng lượng

Tiết kiệm năng lượng vừa là tiết kiệm tài nguyên quốc gia vừa tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp. Chính vì thế, Ban lãnh đạo Công ty đã đặc biệt chú trọng trong việc kiểm soát nguồn chi phí nhiên liệu đầu vào thông qua các chính sách, quy định về việc bảo trì xe taxi định kỳ đối với tài xế nhằm giảm thiểu việc các linh kiện, bộ phận xe đã cũ gây ra mức tiêu thụ năng lượng nhiều hơn bình thường. Ngoài ra, văn phòng Công ty cũng ra quy định nghiêm ngặt trong việc tiết kiệm năng lượng bằng cách thay thế các bóng đèn, thiết bị tiết kiệm điện năng hơn cũng như tránh việc sử dụng các thiết bị điện khi không thực sự cần thiết.



Tiết kiệm nước

Việc tiết kiệm tiêu thụ nước tại văn phòng giúp Vinasun Corp luôn được đề cao. Chính vì vậy, Công ty đã đưa ra các quy định, chính sách như:

- Kiểm tra định kỳ rò rỉ nước đối với các thiết bị trong văn phòng;
- Định hướng tiết kiệm nước cho toàn bộ nhân viên và đưa ra những kỷ luật nếu có hành vi làm lãng phí nước;
- Yêu cầu bộ phận kế toán theo dõi sát sao tình hình sử dụng nước hàng tháng và nếu có tình trạng hóa đơn điện nước tăng bất thường thì cần phải báo cáo ngay với quản trị nhằm khắc phục kịp thời.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Chính sách liên quan đến người lao động

Một trong những nhân tố quan trọng đóng góp vào sự phát triển bền vững của doanh nghiệp là nguồn nhân lực. Nhận thức được điều này, Công ty không chỉ chú trọng vào công tác đào tạo mà còn xây dựng các chính sách lương thưởng hợp lý, tạo dựng một môi trường làm việc an toàn, thân thiện và bình đẳng.

Hàng năm, Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động chăm lo đời sống cho nhân viên

- » Tổ chức chúc tết và tặng cho các cháu thiếu nhi con em CB CNV công ty.
- » Hỗ trợ tổ chức tết Trung thu cho con em CB CNV công ty.
- » Tổ chức chương trình thi đua mang tên “Lái xe tranh tài – Xế hộp trao tay” cho các lái xe của công ty.
- » Tặng bánh trung thu cho người lao động và đối tác.
- » Tổ chức thăm hỏi người lao động có gia đình ở Miền trung bị thiệt hại cho bão gây ra.
- » Tổ chức chương trình tri ân các chị em phụ nữ nhân ngày 20/10.



Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Bên cạnh hoạt động kinh doanh hiệu quả, Vinasun Corp luôn dành nguồn lực và sự ưu tiên cho các hoạt động cộng đồng. Công ty tập trung đến các vấn đề mà xã hội thực sự cần và quan tâm.

Cụ thể Vinasun Corp cam kết luôn phối hợp với cơ quan nhà nước, tuân thủ mọi quy định trong kinh doanh cũng như tích cực tham gia phòng chống tội phạm, tố giác tội phạm, phối hợp với Công an, cơ quan quản lý trong những yêu cầu theo dõi, cung cấp thông tin về tội phạm thông qua phần mềm quản lý Vinasun App.

Đại diện lái xe Vinasun Corp cũng cam kết thực hiện tốt nghĩa vụ trong việc đảm bảo ANTT, TTATGT trên địa bàn cả nước.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm 2021/2020
1	Tổng giá trị tài sản	2.058.334	1.571.672	-23,64%
2	Doanh thu thuần	1.006.002	484.680	-51,82%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(275.229)	(266.538)	-
4	Lợi nhuận khác	64.513	-10.212	-
5	Lợi nhuận trước thuế	(210.715)	(276.750)	-
6	Lợi nhuận sau thuế	(210.578)	(277.167)	-
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	(3.060)	(4.035)	-



Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn: (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,45	2,78
Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	1,41	2,74
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	27,9	23,25
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	38,7	30,3
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho)	Vòng	79,61	67,52
Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản)	Vòng	0,49	0,31
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-20,93	-57,19
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	-14,19	-22,98
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	-10,23	-17,64
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	-27,36	-54,99

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

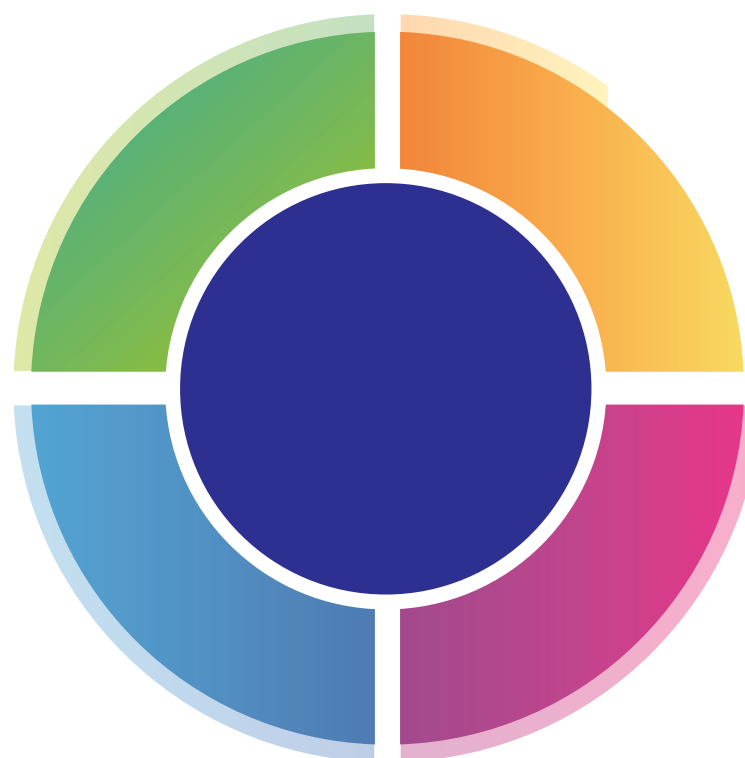
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Năm 2021, các chỉ tiêu thanh toán của Vinasun Corp đều cải thiện so với năm 2020 cho thấy Công ty có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ đúng hạn. Hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ mức 1,45 năm 2020 lên 2,78 trong năm 2021. Tương tự, hệ số thanh toán nhanh tăng từ 1,41 trong năm 2020 lên 2,74 trong năm 2021. Nguyên nhân của sự tăng trưởng này là do các khoản vay ngắn hạn giảm so với năm 2020 do trong năm Công ty đã thanh toán các khoản vay dài hạn đến hạn. Ngoài ra, trong năm Công ty thực hiện đầu tư ngắn hạn bằng hình thức gửi tiền ngắn hạn để chủ động ứng phó trước tác động do dịch bệnh gây ra.

Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động của Công ty đều giảm. Vòng quay hàng tồn kho của Công ty giảm từ 79,61 vòng còn 67,52 vòng. Do tính chất ngành nghề cung cấp dịch vụ nên hàng tồn kho của Công ty chiếm tỷ trọng thấp trong cơ cấu tài sản, chủ yếu là phụ tùng xe.

Trong năm, tình hình dịch bệnh phức tạp và cạnh tranh với các hãng xe công nghệ gay gắt ảnh hưởng đến doanh thu của Công ty nên vòng quay tổng tài sản giảm từ 0,49 vòng năm 2020 còn 0,31 vòng năm 2021.

Về khả năng thanh toán



Về cơ cấu vốn



Về năng lực hoạt động



Về khả năng sinh lời



Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công ty có xu hướng giảm cho thấy khả năng tự chủ tài chính của Vinasun Corp ngày càng tốt. Hệ số nợ trên tài sản và hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu của Công ty giảm lần lượt từ mức 27,90% và 38,70% năm 2020 còn 23,25% và 30,3% trong năm 2021. Trong năm, Công ty đã thanh lý xe cũ để đảm bảo chất lượng xe phục vụ khách hàng nên tài sản của Công ty giảm. Đồng thời, trước áp lực cạnh tranh cao cùng với dịch bệnh làm hạn chế nhu cầu đi lại của khách hàng, Vinasun Corp đã chủ động giảm tỷ lệ nợ vay để giảm gánh nặng chi phí lãi vay lên kết quả kinh doanh của Công ty.

Năm 2021, dịch bệnh Covid-19 lan rộng ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh doanh của hầu hết các doanh nghiệp tại Việt Nam. Bên cạnh đó, cạnh tranh trên thị trường dịch vụ vận chuyển bằng taxi ngày càng gay gắt đã ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả kinh doanh của Vinasun Corp.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn, song Công ty đã cố gắng giảm hầu hết các chi phí như giá vốn, chi phí lãi vay, chi phí vận hành,... giúp cải thiện phần nào kết quả kinh doanh của Vinasun Corp.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU ĐẦU TƯ



Cơ cấu cổ đông

Tính đến ngày 31/03/2022

STT	Loại cổ đông	Số cổ đông	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông nội bộ	12	25,11%
II	Cổ đông trong nước	1.037	55,24%
1	Cá nhân	1.007	34,38%
2	Tổ chức	30	20,86%
III	Cổ đông nước ngoài	75	19,65%
1	Cá nhân	56	0,21%
2	Tổ chức	19	19,44%
Tổng cộng (I+II+III)		1.124	100%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 49%

- Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có
- Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có
- Các chứng khoán khác: Không có



03

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 53
- Tình hình tài chính 55
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý 57
- Kế hoạch phát triển trong tương lai 59

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

KHÓ KHĂN

- Trong năm 2021 đại dịch Covid-19 bất ngờ bùng phát trở lại ở Việt Nam đã ảnh hưởng đến tình hình sản xuất cũng như hoạt động của Vinasun Corp. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các quy định, chỉ thị về giãn các xã hội tại các địa phương dẫn đến việc các đội xe taxi của Vinasun Corp bị đóng băng kéo theo doanh số bị sụt giảm nghiêm trọng, ảnh hưởng đến tình hình hoạt động của Công ty. Khó khăn đó đã tác động đến tiến độ thực hiện kế hoạch mà Ban điều hành đã đặt ra trong năm 2021;
- Chi phí vận hành lớn (chi phí vận hành bộ máy, chi phí đầu tư hạ tầng, bến bãi cao, chi phí nhân sự, chi phí nguyên vật liệu đầu vào...) gây khó khăn trong việc cạnh tranh về giá trên thị trường;
- Vinasun Corp đang đối mặt với áp lực cạnh tranh lớn từ các tập đoàn nước ngoài có tiềm lực tài chính mạnh mà họ dễ dàng thu hút khách hàng thông qua hàng loạt các chính sách ưu đãi, khuyến mãi liên tục.
- Công ty ngày càng khó khăn trong việc thu hút được lao động lành nghề.

THUẬN LỢI

- Vinasun vẫn là một cái tên lớn với độ nhận diện thương hiệu cao cùng địa bàn hoạt động rộng khắp các tỉnh thành, trải dài từ miền Trung tới miền Nam.
- Mặc dù ngành du lịch và vận chuyển khách hàng bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi đại dịch Covid-19 tuy nhiên Vinasun Corp cũng có thuận lợi khi vẫn tiếp tục thực thi chiến lược liên kết các dịch vụ vận chuyển cán bộ, công nhân viên cho các doanh nghiệp, tổ chức lớn thông qua việc sử dụng taxi card, thẻ member.
- Tích cực hợp tác với nhiều nhà hàng, khách sạn, sân bay, nhà ga để đón khách.
- Đội ngũ tài xế chuyên nghiệp có kinh nghiệm lái xe lâu năm trong nghề.



Các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh

Sự bùng phát của dịch bệnh đã tác động tiêu cực vào hoạt động vận tải hành khách của Công ty trong năm qua, thể hiện qua các chỉ tiêu như sau:

Các chỉ tiêu chủ yếu	Năm 2020	Năm 2021	Tăng/giảm	% Tăng/giảm
Số lượng cuộc gọi bình quân/ngày	13.580	7.658	(5.922)	-43,61%
Bình quân lượt khách qua điểm tiếp thị (có ĐH)	10.934	7.094	(3.840)	-35,12%
Số lượng đặt App bình quân ngày	7.652	2.691	(4.961)	-64,83%

Trong năm, số lượng cuộc gọi bình quân trên ngày giảm 43,61%, số lượng đặt App bình quân ngày giảm 64,83% so với năm trước. Chính vì vậy, Vinasun Corp đã có những biện pháp:

- Tiết giảm chi phí vận hành và quản lý;
- Đẩy mạnh tiến trình tái cấu trúc, tổ chức lại bộ máy nhân sự và tạm dừng hoạt động các Chi nhánh;
- Linh hoạt thực hiện chính sách cho người lao động theo quy định.

Tuy nhiên, Công ty vẫn phải chịu các chi phí cố định khi xe ngừng kinh doanh như: chi phí khấu hao, chi phí tối thiểu để duy trì bộ máy trong khi doanh thu suy giảm...

HOẠT ĐỘNG TIẾP THỊ VÀ QUẢNG BÁ THƯƠNG HIỆU

Công ty vẫn thường xuyên công bố thông tin trên các phương tiện truyền thông về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và các sự kiện quan trọng khác thông qua website: www.vinasuncorp.com, trang facebook và trên các báo đài. Duy trì thực hiện các chương trình như: tài trợ Hội Hoa Xuân Phú Mỹ Hưng... và các chương trình khuyến mãi khác...

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm 2021/2020	Tỷ trọng năm 2020	Tỷ trọng năm 2021
Tài sản ngắn hạn	441.179	627.506	42,23%	21,43%	39,93%
Tài sản dài hạn	1.617.155	944.166	-41,61%	78,57%	60,07%
Tổng tài sản	2.058.334	1.571.672	-23,64%	100%	100%

Tính đến cuối năm 2021, tổng tài sản của Công ty đạt 1.572 tỷ đồng, giảm 23,64% so với cuối năm 2020. Trong đó: Tài sản ngắn hạn 627 tỷ đồng chiếm 39,93% tổng tài sản, tài sản dài hạn là 944 tỷ đồng chiếm 60,07% tổng tài sản bao gồm các tài sản trọng yếu như:

- Xe Toyota Kinh doanh taxi và hợp đồng.
- Các xe kinh doanh du lịch và văn phòng.
- Các tài sản văn phòng và xưởng sửa chữa khác.



Tình hình nợ phải trả

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	TH 2021/ TH 2020	Tỷ trọng năm 2020	Tỷ trọng năm 2021
Nợ ngắn hạn	303.467	226.005	-25,53%	52,84%	61,84%
Nợ dài hạn	270.883	139.475	-48,51%	47,16%	38,16%
Tổng nợ phải trả	574.350	365.479	-36,37%	100%	100%

Tính đến cuối năm, nợ ngắn hạn và nợ dài hạn của Công ty lần lượt đạt ở mức 226 tỷ đồng và 139 tỷ đồng. Cả hai khoản mục này đều giảm so với năm 2020, lần lượt là 25,53% và 48,51%. Cả nợ ngắn hạn và nợ dài hạn của Công ty giảm chủ yếu do Công ty giảm mạnh khoản vay và nợ thuê tài chính, chủ trương dùng vốn tự có để tài trợ cho các dự án mua xe mới, giảm bớt vay nợ nhằm giảm gánh nặng chi phí lãi vay.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Công ty tiếp tục thực hiện những cải tiến cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý với mô hình phân cấp. Các phòng ban quản lý được quyền ra quyết định trong phạm vi quyền hạn quy định. Mô hình này giúp Ban lãnh đạo quản lý tốt hơn về mặt nhân sự, tạo động lực cho cấp dưới và khuyến khích các cấp quản lý phát huy sáng tạo.

Ngoài ra, Vinasun Corp cũng nâng cấp và hoàn thiện hệ thống quản lý và điều hành xe thông qua GPS, hệ thống đặt chỗ và điều xe tự động của Vinasun App, kết hợp với đặt chỗ qua tổng đài và điều xe qua tin nhắn. Đồng thời, Công ty khai thác triệt để thế mạnh của hệ thống tổng đài truyền thống, kết nối tính năng hiện có với hệ thống phần mềm mới.

Chính sách người lao động là một trong những chính sách trọng tâm của Công ty. Người lao động có chuyên môn cao, được đánh giá tốt cả về kết quả công việc và phẩm chất sẽ được Công ty khuyến khích, tạo điều kiện để phát huy khả năng tại Công ty. Chính sách tài chính, chính sách bán hàng, chính sách nguồn cung ứng, chính sách thưởng/ phạt v.v...được thay đổi để phù hợp với tình hình của từng giai đoạn.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	% so với năm 2021
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	484.68	638.51	131,74%
2	Lợi nhuận trước thuế	(276,75)	27,32	-
3	Lợi nhuận sau thuế	(277,17)	27,32	-



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Kế hoạch đầu tư

Dự kiến trong năm 2022, Công ty triển khai đầu tư các dự án. Trong đó cụ thể như sau:

- Đầu tư trong năm: Khoảng 156 chiếc xe;
- Thanh lý và bán trả chậm cho anh em lái xe để kinh doanh dưới hình thức thương quyền khoảng 506 chiếc xe;
- Phát triển số lượng xe hợp tác kinh doanh với các đối tác bên ngoài: 150 chiếc;
- Công ty sẽ chủ động điều chỉnh tăng giảm số lượng xe đầu tư và thanh lý cũng như điều phối hài hòa số lượng xe ở các mô hình và phương thức kinh doanh trên cơ sở đảm bảo hiệu quả của Công ty ở mức cao nhất.

Loại xe	Số xe sở hữu đến 31/12/2021	Đầu tư Tối thiểu trong năm 2022	Thanh lý và bán trả chậm trong năm 2022	Số xe sở hữu đến 31/12/2022
4 chỗ (Camry, Vios, Wigo)	804	56	206	654
7 chỗ (Innova, Fortuner....)	1.267	100	300	1.067
Tổng cộng	2.071	156	506	1.721
Công ty Mẹ	1.960	115	475	1.600
Công ty Con	111	41	31	121

- Số xe thực hiện hợp tác kinh doanh đến cuối năm 2022: 900 chiếc
- Tổng số xe dự kiến hoạt động kinh doanh cuối năm 2022: 2.621 chiếc.

Các hoạt động triển khai trong năm 2022

- Mở rộng việc thanh toán online trên Vinasun App đến với khách hàng và chuẩn bị tích hợp việc thanh toán với các Mobil Money App sắp được triển khai.
- Hoàn tất việc nâng cấp GPS từ 2G lên 4G và hoàn thiện hơn nữa hệ thống quản lý và điều hành xe.
- Nâng mức tiếp nhận khách hàng đặt xe qua Tổng đài 38 27 27 27 lên 20.000 cuộc gọi/ngày.
- Tăng số lượng đặt App Vinasun bình quân lên 10.000 lượt/ngày. Phát triển hơn nữa các chức năng trên App nhằm đáp ứng nhu cầu nhanh nhất của khách hàng.
- Phát triển thêm khách hàng trả sau.
- Giữ vững và phát triển thêm các điểm tiếp thị chiến lược.





04

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty 63
- Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc 64
- Các kế hoạch, định hướng của HĐQT 65

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2021, do tiếp tục bị tác động của dịch Covid-19 nên nền kinh tế Việt Nam chỉ đạt tốc độ tăng trưởng GDP là 2,58% (giảm 11,3% so với năm 2020). Riêng tại TP Hồ Chí Minh, GDP giảm 6,78% so với 2020 (đây là mức giảm sâu nhất trong lịch sử), tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ giảm 21,9 %, trong đó nhóm ngành du lịch giảm 60% và vận tải hành khách giảm 44,8%, do không có khách du lịch quốc tế và khách du lịch nội địa chỉ đạt 9,3 triệu lượt, giảm 41% so với năm 2020 đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến ngành dịch vụ vận tải tại TP Hồ Chí Minh và của Công ty.

Vì vậy, hoạt động kinh doanh của Công ty đã gặp rất nhiều khó khăn. Trong năm Công ty phải giảm quy mô, thời gian hoạt động lần 1 khi làn sóng dịch thứ 3 bùng phát (từ ngày 28/01/2021 đến ngày 08/03/2021) và phải ngừng toàn bộ hoạt động khi làn sóng dịch thứ 4 xảy ra (từ ngày 27/04/2021 đến giữa tháng 10/2021). Bên cạnh đó Công ty còn phải cạnh tranh quyết liệt để bảo vệ thị phần của mình trước các Công ty taxi công nghệ của nước ngoài. Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty đã nhận định, đánh giá đưa ra quyết định kinh doanh phù hợp với diễn biến của dịch bệnh và của thị trường.

Công ty tiếp tục cải tiến, nâng cấp Vinasun App và hệ thống Tổng đài, thực hiện nhiều giải pháp để khuyến khích khách hàng sử dụng Vinasun App, nâng cao chất lượng phục vụ, điều chỉnh giá cước linh hoạt, bổ sung nhiều chính sách hỗ trợ lái xe trong tình hình dịch bệnh... Đồng thời linh động trong việc áp dụng các mô hình kinh doanh nhằm giữ chân lái xe và thu hút lại lái xe đã nghỉ việc...

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 đã phản ánh những khó khăn và nỗ lực của Công ty như sau: Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 484,68 tỷ đồng, giảm 51,82% so với năm 2020 và đạt 46,16% so với kế hoạch 2021. Trong năm nay Công ty ghi nhận khoản lỗ là 277,58 tỷ đồng.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- HĐQT luôn tạo điều kiện thuận lợi nhất để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của mình theo Điều lệ Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT.
- Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban điều hành thông qua Nghị quyết, Quyết định, các văn bản và cách thức chỉ đạo khác theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ Công ty và các quy chế quản trị Công ty đã ban hành.
- HĐQT kịp thời đưa ra các quyết sách linh hoạt để đảm bảo hoàn thành các mục tiêu kế hoạch kinh doanh và chiến lược phát triển đã đề ra, tham gia và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp giao ban định kỳ của Ban điều hành hoặc những cuộc họp chuyên đề, dự án để trình HĐQT. Đối với những vấn đề quan trọng, HĐQT đều tham khảo ý kiến của Ban điều hành trước khi quyết định để tạo sự thống nhất cao trong chủ trương và biện pháp thực hiện.
- Ban điều hành đã tuân thủ và thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT. Ban điều hành luôn thực hiện trách nhiệm cao, tận tụy, thường xuyên chia sẻ thông tin, tổ chức họp giao ban tuần, tháng và đột xuất để bàn bạc, thảo luận, thống nhất các giải pháp – tổ chức thực hiện; từng thành viên luôn bám sát công việc, chỉ đạo sát sao, cụ thể, quyết liệt, giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong hoạt động SXKD.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá chung

Nền kinh tế nước ta kỳ vọng sẽ hồi phục lại sau khi trải qua năm 2021 đầy khó khăn do tác động của dịch Covid-19. Với việc tiêm chủng đầy đủ vacxin trên diện rộng cùng với thuốc điều trị Covid đã được sản xuất và phân phối đại trà, dịch covid ở nước ta hy vọng sẽ dần dần bị khống chế, tạo điều kiện cho nền kinh tế Việt Nam mau chóng phục hồi và phát triển, dự kiến GDP của Việt Nam năm 2022 sẽ tăng trưởng hơn 6%. Tuy nhiên, nhiều ngành nghề vẫn bị ảnh hưởng trong ngắn hạn khi những làn sóng dịch vẫn bùng phát, trong đó có ngành vận tải hành khách, du lịch...

Bên cạnh các nhân tố vĩ mô nêu trên thì vấn đề cạnh tranh với các công ty nước ngoài tham gia hoạt động vào thị trường taxi TP. HCM vẫn là một thách thức cho Công ty.

Vì vậy, xác định đây là năm thứ ba liên tiếp mà Vinasun tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức kể từ khi dịch Covid-19 xuất hiện. Việc tập trung khôi phục lại thị phần, thu hút lại người lao động, phục hồi và phát triển lại hoạt động kinh doanh trong tình hình mới là nhiệm vụ trọng tâm. Thực hiện nhiều giải pháp linh hoạt theo diễn biến của dịch bệnh và sức mua của thị trường, tập trung phát triển và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào điều hành, quản lý để hoàn thiện hơn nữa chất lượng dịch vụ và giảm chi phí. Tiếp tục đấu tranh để đảm bảo việc tuân thủ các quy định pháp luật của các công ty nước ngoài trong hoạt động taxi nhằm đảm bảo sự công bằng trong kinh doanh là phương hướng chủ đạo của Công ty trong năm nay.



Các nhiệm vụ trọng tâm năm 2022

CÁC LĨNH VỰC KINH DOANH

- Tập trung phục hồi và phát triển thị phần tại các địa bàn kinh doanh.
- Đáp ứng nhanh nhất nhu cầu của khách hàng.
- Đảm bảo chất lượng đồng đều của các xe kinh doanh. Nâng cao chất lượng phục vụ của anh em lái xe và đa dạng các phương thức thanh toán. Tăng số lượng các điểm tiếp thị và khách hàng cố định.
- Nâng cấp và phát triển các kênh giao tiếp với khách hàng, tạo điều kiện thuận lợi và đạt hiệu suất cao nhất cho khách hàng khi đặt xe: thông qua ứng dụng Vinasun App trên Smartphone, thông qua Tổng đài, tin nhắn, website....
- Đảm bảo phục vụ khách hàng với tiêu chuẩn cao nhất ở tất cả các giai đoạn: trước, trong và sau dịch vụ.

HOẠT ĐỘNG TIẾP THỊ VÀ QUẢNG BÁ THƯƠNG HIỆU

- Tiếp tục thực hiện các hoạt động quảng bá thương hiệu.
- Tạo nhiều kênh liên lạc để tiếp cận, phục vụ và chăm sóc khách hàng.
- Đảm bảo thực hiện việc công bố thông tin theo Luật nhằm đảm bảo cho các cổ đông thường xuyên nắm bắt tình hình hoạt động và phát triển của Công ty.
- Nâng cấp và phát triển hơn nữa website: www.vinasuncorp.com, trang facebook của Vinasun.
- Tham gia các hoạt động xã hội, phát huy hơn nữa truyền thống của Vinasun.

HOẠT ĐỘNG KHÁC

- Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang bị hạ tầng và thiết bị công nghệ cao cho phù hợp với định hướng và sự phát triển của Công ty. Nâng cấp và phát triển hơn nữa các chức năng của hệ thống phần mềm kết nối và điều hành xe, mở rộng và phát triển hệ thống thanh toán và khuyến mãi tự động nhằm nâng cao chất lượng phục vụ và chăm sóc khách hàng tốt hơn nữa.



05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị 69
- Ban Kiểm soát 73
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS và Ban TGD 75

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Danh sách thay đổi thành viên HĐQT trong năm

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày bãi nhiệm
1	Ông Đoàn Hoài Minh	Thành viên HĐQT	26/04/2019	28/04/2021

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (KHÔNG CÓ)

Đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm

Trong tất cả các hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc đều có sự giám sát chặt chẽ, chỉ đạo kịp thời của HĐQT. Trong các cuộc họp Ban Tổng Giám đốc đều có sự tham gia của Chủ tịch hoặc thành viên HĐQT.



Số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Đặng Phước Thành	Chủ tịch HĐQT	5	100%	
2	Ông Trương Đình Quý	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	5	100%	
3	Ông Trần Anh Minh	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	5	100%	
4	Ông Tạ Long Hỷ	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	5	100%	
5	Bà Huỳnh Thanh Bình Minh	Thành viên HĐQT	5	100%	
6	Ông Trương Vĩnh Tùng	Thành viên HĐQT	3	60%	Thời gian họp không kịp xin ý kiến của Tổng công ty
7	Ông Hồ Kim Trường	Thành viên HĐQT	5	100%	
8	Ông Đặng Công Luận	Thành viên HĐQT	5	100%	
9	Ông Nguyễn Đình Thanh	Thành viên HĐQT	5	100%	

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nội dung và kết quả của các cuộc họp

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/QĐ-HĐQT.21	02/03/2021	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh Công ty CP Ánh Dương Việt Nam tại Phú Yên
2	02/QĐ-HĐQT.21	09/03/2021	<p>Tiến hành triệu tập đại hội cổ đông thường niên 2021:</p> <ul style="list-style-type: none">Ngày đăng ký cuối cùng 31/03/2021, ngày tổ chức đại hội 28/04/2021, tỷ lệ thực hiện 1:1;Nội dung đại hội: Báo cáo kết quả kinh doanh 2020, kế hoạch năm 2021, báo cáo hoạt động của HĐQT 2020, báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính năm 2020, báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát 2020, thông qua vấn đề lựa chọn Công ty kiểm toán 2021.
3	03/QĐ-HĐQT.21	02/04/2021	<p>Thông qua các nội dung trình ra Đại hội đồng cổ đông ngày 28/04/2020 như sau:</p> <ul style="list-style-type: none">Chương trình Đại hội, danh sách Chủ tịch đoàn, Ban kiểm tra tư cách cổ đông, thư ký đoàn và Ban kiểm phiếu biểu quyết, Báo cáo của HĐQT năm 2020, báo cáo kết quả kinh doanh 2020, phương án kế hoạch kinh doanh 2021, báo cáo kết quả kiểm toán 2020, báo cáo của Ban kiểm soát, tờ trình lựa chọn ông ty kiểm toán 2021, thông qua Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động HĐQT, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát mới;Thông qua việc giải thể, chấm dứt hoạt động Chi nhánh Phú Yên;Thông qua việc BÀ Đặng Thị Lan Phương tiếp tục giữ nhiệm vụ TGD đến hết nhiệm kỳ theo quy định khoản 2 Điều 218 Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QĐ14.

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
4	04/QĐ-HĐQT.21	16/11/2021	Tạm dừng hoạt động các Chi nhánh: (Chi nhánh Công ty CP Ánh Dương VN tại Hà Nội, Chi nhánh Công ty CP Ánh Dương VN tại Bình Thuận, Chi nhánh Công ty CP Ánh Dương VN tại Quảng Ngãi, Chi nhánh Công ty CP Ánh Dương VN tại Khánh Hoà, Chi nhánh Công ty CP Ánh Dương VN tại Kiên Giang, Chi nhánh Công ty CP Ánh Dương VN tại Vũng Tàu, Thời gian dự kiến 01/12/2021 đến 01/12/2022)
5	05/QĐ-HĐQT.21	30/11/2021	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh Công ty CP Ánh Dương VN (Xưởng Sửa chữa Ô tô Thành Lộc)
6	06/QĐ-HĐQT.21	30/11/2021	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh Công ty CP Ánh Dương VN (Xưởng Sửa chữa Ô tô Thành Danh)

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP: KHÔNG CÓ DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY: KHÔNG CÓ

BAN KIỂM SOÁT

Danh sách thay đổi thành viên HĐQT trong năm

DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN BKS TRONG NĂM: KHÔNG CÓ

Hoạt động của Ban kiểm soát

- Ban kiểm soát đã tham dự đầy đủ các phiên họp của Hội đồng quản trị.
- Giám sát việc thực hiện Điều lệ Công ty, chỉ đạo và triển khai nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021, các hoạt động của Hội đồng quản trị.
- Trên cơ sở nắm vững tình hình hoạt động kinh doanh và kiến nghị những vấn đề có liên quan.
- Xem xét việc quản trị, điều hành kinh doanh của Ban Tổng giám đốc, các Báo cáo tài chính trong năm 2021.



Số lượng các cuộc họp Ban Kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bà Trần Thị Thu Hiền	Trưởng Ban kiểm soát	3	100%	
2	Bà Mai Thị Kim Hoàng	Thành viên BKS	3	100%	
3	Bà Đỗ Thị Thám Hoa	Thành viên BKS	3	100%	



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS VÀ BAN TGD

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng lương	Tổng thù lao
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ				
1	Đặng Phước Thành	Chủ tịch HĐQT	282.800.000	70.000.000
2	Ông Trương Đình Quý	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	297.095.653	45.000.000
3	Ông Trần Anh Minh	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	297.892.097	45.000.000
4	Ông Tạ Long Hỷ	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	310.273.914	45.000.000
5	Bà Huỳnh Thanh Bình Minh	Thành viên HĐQT	-	45.000.000
6	Ông Trương Vĩnh Tùng	Thành viên HĐQT	-	45.000.000
7	Ông Hồ Kim Trường	Thành viên HĐQT	-	25.000.000
8	Ông Đặng Công Luận	Thành viên HĐQT	-	25.000.000
9	Ông Nguyễn Đình Thanh	Thành viên HĐQT	-	25.000.000
BAN KIỂM SOÁT				
1	Bà Trần Thị Thu Hiền	Trưởng BKS	-	25.000.000
2	Bà Mai Thị Kim Hoàng	Thành viên BKS	-	25.000.000
3	Bà Đỗ Thị Thám Hoa	Thành viên BKS	-	25.000.000

STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng lương	Tổng thù lao
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC				
1	Đặng Thị Lan Phương	Tổng Giám đốc	322.597.178	48.000.000
2	Huỳnh Văn Sĩ	Phó Tổng Giám đốc	310.273.914	45.000.000
3	Đặng Thành Duy	Phó Tổng Giám đốc	485.802.008	45.000.000
4	Nguyễn Văn Mác	Phó Tổng Giám đốc	205.007.246	12.000.000
5	Nguyễn Bảo Toàn	Phó Tổng Giám đốc	266.334.753	15.000.000
6	Đặng Phước Hoàng Mai	Phó Tổng Giám đốc	272.841.302	12.000.000
7	Nguyễn Thị Đăng Thư	Phó Tổng Giám đốc	255.021.277	20.000.000

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ	
1	Ngô Thị Thuý Vân	Vợ ông Đặng Phước Thành	7.167.250	10,56%	8.080.590	11,91%	Đầu tư

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS VÀ BAN TGD

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY; HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ: KHÔNG CÓ

GIAO DỊCH GIỮA NGƯỜI NỘI BỘ CÔNG TY, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VỚI CÔNG TY CON, CÔNG TY DO CÔNG TY NẮM QUYỀN KIỂM SOÁT: KHÔNG CÓ

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Việc quản trị Công ty luôn được đảm bảo theo đúng pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ và các tiêu chí nhằm đảm bảo được hoạt động của Công ty một cách suôn sẻ nhất; theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của Công ty và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động của Công ty một cách hiệu quả, từ đó khuyến khích Công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất. Ngoài ra, Công ty luôn tăng cường kiến thức quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc thông qua việc cử các cán bộ đi đào tạo theo thông báo của UBCKNN, các cơ quan liên quan và các lớp học quản trị công ty. Từ đó, nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí vốn cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.



**Có MoMo:
Đi Vinasun không cần tiền mặt**



06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Ý kiến kiểm toán 81
- Báo cáo tài chính được kiểm toán 83

Số tham chiếu: 61059820/22633383/HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam ("Công ty") và công ty con ("Nhóm Công ty"), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2022 và được trình bày từ trang 5 đến trang 32, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Nam Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 3021-2019-004-1



Tôn Thiện Bảo Ngọc
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 4177-2022-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		627.505.986.271	441.178.645.123
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	169.223.238.445	241.166.832.227
111	1. Tiền		44.206.800.090	35.166.832.227
112	2. Các khoản tương đương tiền		125.016.438.355	206.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		201.800.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	201.800.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		236.208.321.749	172.414.368.833
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	210.657.971.972	160.194.021.347
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	7.371.750.008	1.238.046.347
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	9	22.681.366.134	15.286.887.704
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7, 9	(4.502.766.365)	(4.304.586.565)
140	IV. Hàng tồn kho		9.129.075.861	12.995.806.006
141	1. Hàng tồn kho	10	9.129.075.861	12.995.806.006
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		11.145.350.216	14.601.638.057
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	10.752.671.571	13.406.081.194
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	16	114.541.220	893.144.954
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	278.137.425	302.411.909
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		944.165.843.386	1.617.154.982.649
210	I. Khoản phải thu dài hạn		41.788.618.200	47.199.582.850
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	7	39.630.570.000	44.434.808.650
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	2.158.048.200	2.764.774.200
220	II. Tài sản cố định		851.343.642.527	1.514.832.924.236
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	726.698.277.102	1.368.125.824.562
222	Nguyên giá		1.418.169.366.230	2.609.982.441.558
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(691.471.089.128)	(1.241.856.616.996)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	124.645.007.008	146.669.778.904
225	Nguyên giá		176.198.181.890	176.198.181.890
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(51.553.174.882)	(29.528.402.986)
227	3. Tài sản cố định vô hình		358.417	37.320.770
228	Nguyên giá		1.966.221.000	1.966.221.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.965.862.583)	(1.928.900.230)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn		-	1.000.000.000
255	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	1.000.000.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		51.033.582.659	54.122.475.563
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	49.584.000.081	52.255.899.511
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.3	1.449.582.578	1.866.576.052
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.571.671.829.657	2.058.333.627.772

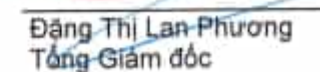
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		365.479.424.566	574.350.143.680
310	I. Nợ ngắn hạn		226.004.826.195	303.467.003.288
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	15.621.253.747	17.740.907.607
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	624.890.379	18.456.053.986
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	20.142.343.449	18.735.604.441
314	4. Phải trả người lao động	16	3.273.637.117	13.948.367.135
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	3.465.779.713	3.471.275.198
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	18	3.271.435.716	6.195.111.662
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	48.575.298.477	52.463.485.348
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	130.848.531.657	172.274.541.971
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		181.655.940	181.655.940
330	II. Nợ dài hạn		139.474.598.371	270.883.140.392
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	81.706.708.057	101.080.757.763
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21	57.767.890.314	169.802.382.629
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.206.192.405.091	1.483.983.484.092
410	I. Vốn chủ sở hữu	22.1	1.206.192.405.091	1.483.983.484.092
411	1. Vốn cổ phần		678.591.920.000	678.591.920.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		678.591.920.000	678.591.920.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		86.929.263.110	86.929.263.110
418	3. Quỹ đầu tư và phát triển		268.688.372.802	268.688.372.802
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		168.303.885.713	442.101.034.023
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		442.101.034.023	649.746.966.401
421b	- Lỗ năm nay		(273.797.148.310)	(207.645.932.378)
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	23	3.678.963.466	7.672.894.157
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.571.671.829.657	2.058.333.627.772


Thái Thị Mộng Tuyền
Người lập


Đặng Hoàng Sang
Kế toán trưởng



Đặng Thị Lan Phương
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	484.679.945.755	1.006.002.351.720
11	2. Giá vốn về bán hàng và dịch vụ cung cấp	25, 29	(616.356.664.881)	(1.034.624.118.322)
20	3. Lỗ gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(131.676.719.126)	(28.621.766.602)
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	10.207.008.212	6.635.844.979
22	5. Chi phí tài chính	26	(18.369.054.036)	(36.070.395.524)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(18.319.176.255)	(36.047.457.020)
25	6. Chi phí bán hàng	27, 29	(63.767.668.492)	(118.918.407.686)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27, 29	(62.931.173.687)	(98.253.858.851)
30	8. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(266.537.607.129)	(275.228.583.684)
31	9. Thu nhập khác	28	15.802.114.530	67.978.038.272
32	10. Chi phí khác	28	(26.014.592.928)	(3.464.580.561)
40	11. (Lỗ) lợi nhuận khác	28	(10.212.478.398)	64.513.457.711
50	12. Tổng lỗ kế toán trước thuế TNDN		(276.750.085.527)	(210.715.125.973)
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	-	-
52	14. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	30.3	(416.993.474)	136.737.332
60	15. Lỗ thuần sau thuế TNDN		(277.167.079.001)	(210.578.388.641)
61	16. Lỗ sau thuế của công ty mẹ		(273.173.148.310)	(207.021.932.378)
62	17. Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(3.993.930.691)	(3.556.456.263)
70	18. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	32	(4.035)	(3.060)
71	19. Lỗ suy giảm trên cổ phiếu	32	(4.035)	(3.060)


Thái Thị Mộng Tuyền
Người lập


Đặng Hoàng Sang
Kế toán trưởng


Đặng Thị Lan Phương
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lỗ kế toán trước thuế		(276.750.085.527)	(210.715.125.973)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	29	274.126.385.026	378.386.683.947
03	(Hoàn nhập) trích lập các khoản dự phòng		(1.503.141.833)	114.545.201
05	Lỗ (lãi) từ hoạt động đầu tư		13.595.425.799	(31.199.445.060)
06	Chi phí lãi vay	26	18.319.176.255	36.047.457.020
07	Điều chỉnh khác		-	(373.748.278)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		27.787.759.720	172.260.366.857
09	Giảm các khoản phải thu		33.482.001.303	17.497.441.400
10	Giảm hàng tồn kho		3.866.730.145	2.742.832.166
11	Giảm các khoản phải trả		(35.646.422.446)	(50.926.823.665)
12	Giảm chi phí trả trước		5.325.309.053	11.808.357.712
14	Tiền lãi vay đã trả		(18.717.703.378)	(36.791.566.328)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(7.349.040.039)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(624.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		16.097.674.397	108.617.568.103
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(33.811.373.662)	(25.272.381.819)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		292.150.668.551	221.909.949.691
23	Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn		(200.800.000.000)	-
27	Lãi tiền gửi nhận được		7.950.413.661	6.820.673.691
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		65.489.708.550	203.458.241.563
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		-	21.156.800.000
34	Tiền trả nợ gốc vay	21.3	(126.804.263.049)	(216.686.228.989)
35	Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	21.3	(26.656.239.580)	(34.197.924.996)
36	Cổ tức đã trả	22.2	(70.474.100)	(67.724.879.370)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(153.530.976.729)	(297.452.233.355)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(71.943.593.782)	14.623.576.311
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		241.166.832.227	226.543.255.916
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	169.223.238.445	241.166.832.227

Thái Thị Mộng Tuyền
Người lập

Đặng Hoàng Sang
Kế toán trưởng



Đặng Thị Lan Phương
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 4103001723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 17 tháng 7 năm 2003 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép niêm yết số 81/2008/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 7 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") là cung cấp các dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi và kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế; đại lý bán vé máy bay và cho thuê mặt bằng.

Công ty có trụ sở chính tại Số 648, Đường Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 1.877 (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 4.398).

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có một công ty con, chi tiết như sau:

Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Số đầu năm và số cuối năm	
			Tỷ lệ lợi ích của Công ty	Quyền biểu quyết của Công ty
Công ty Cổ phần Ánh Dương Xanh Việt Nam	Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi	90%	90%

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán phụ tùng ô tô với chi phí mua được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với công cụ, dụng cụ thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu, liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán vào khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính, và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- ▶ Chi phí trả trước tiền thuê văn phòng;
- ▶ Chi phí bảo hiểm;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn; và
- ▶ Các khoản chi phí trả trước khác.

3.10 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

▶ **Quỹ đầu tư và phát triển**

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

▶ **Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 *Lãi (lỗ) trên cổ phiếu*

Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.16 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Doanh thu nhượng quyền thương mại và khai thác taxi

Doanh thu được ghi nhận dựa trên mức phí cố định hằng ngày trong suốt thời gian hợp đồng.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.17 *Báo cáo bộ phận*

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính hiện nay của Nhóm Công ty là cung cấp các dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi và kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế; đại lý bán vé máy bay và cho thuê mặt bằng. Các hoạt động kinh doanh này của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Ngoài ra, doanh thu của Nhóm Công ty chủ yếu là từ dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh là cung cấp các dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi và khu vực địa lý là Việt Nam. Theo đó, thông tin theo bộ phận sẽ không trình bày.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.19 *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM - ĐẠI DỊCH COVID-19

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Nhóm Công ty đang hoạt động. Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	25.702.573.536	12.035.568.512
Tiền gửi ngân hàng	18.504.226.554	23.129.716.025
Tiền đang chuyển	-	1.547.690
Các khoản tương đương tiền (*)	125.016.438.355	206.000.000.000
TỔNG CỘNG	169.223.238.445	241.166.832.227

(*) Số dư này thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 2%/năm đến 3,4%/năm.

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn	201.800.000.000	-

Khoản này thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc từ sáu (6) tháng đến sáu mươi (60) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 3,7% đến 8,7%/năm.

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	210.657.971.972	160.194.021.347
Phải thu từ thanh lý tài sản cố định	165.440.935.250	77.633.000.000
Phải thu khách hàng đúng thẻ taxi	38.575.446.441	71.944.346.639
Phải thu tài xế liên quan đến nhượng quyền thương mại và khai thác taxi	3.033.495.845	3.189.937.132
Phải thu tài xế taxi về tiền thu khách vắng lái	673.338.908	1.505.755.000
Khác	2.934.755.528	5.920.982.576
Dài hạn	39.630.570.000	44.434.808.650
Phải thu từ thanh lý tài sản cố định	39.630.570.000	44.434.808.650
TỔNG CỘNG	250.288.541.972	204.628.829.997
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.679.430.443)	(1.482.617.415)
GIÁ TRỊ THUẬN	248.609.111.529	203.146.212.582

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

Tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.482.617.415	1.350.296.128
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	205.400.262	218.964.617
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(8.587.234)	(86.643.330)
Số cuối năm	<u>1.679.430.443</u>	<u>1.482.617.415</u>

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng mua tài sản cố định	6.150.000.000	150.000.000
Khác	1.221.750.008	1.088.046.347
TỔNG CỘNG	7.371.750.008	1.238.046.347

9. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	22.681.366.134	15.286.887.704
Tạm ứng cho nhân viên	7.198.321.021	6.218.221.630
Hỗ trợ Covid cho tài xế	3.978.578.492	-
Kỳ quỹ, kỳ cược	2.372.293.667	2.868.783.667
Lãi tiền gửi	2.505.308.087	248.713.536
Phải thu khác từ tài xế và nhân viên	1.493.693.609	1.634.024.330
Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế phải thu tài xế và nhân viên	870.838.639	789.570.745
Phải thu hộ liên quan đến bán vé máy bay	783.851.364	978.233.849
Khác	3.478.481.255	2.549.339.947
Dài hạn	2.158.048.200	2.764.774.200
Kỳ quỹ, kỳ cược	2.158.048.200	2.764.774.200
TỔNG CỘNG	24.839.414.334	18.051.661.904
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.823.335.922)	(2.821.969.150)
GIÁ TRỊ THUẬN	22.016.078.412	15.229.692.754

10. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho thể hiện giá trị phụ tùng chưa xuất dùng vào ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số đầu năm	8.035.792.448	2.597.808.042.031	4.138.607.079	2.609.982.441.558
Mua mới trong năm	-	27.811.373.662	-	27.811.373.662
Thanh lý	-	(1.219.576.448.990)	(48.000.000)	(1.219.624.448.990)
Số cuối năm	8.035.792.448	1.406.042.966.703	4.090.607.079	1.418.169.366.230
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	8.035.792.448	40.118.074.866	3.459.737.079	51.613.604.393
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Số đầu năm	8.035.792.448	1.230.353.948.986	3.466.875.562	1.241.856.616.996
Khấu hao trong năm	-	251.714.134.280	350.516.497	252.064.650.777
Thanh lý	-	(802.418.565.750)	(31.612.895)	(802.450.178.645)
Số cuối năm	8.035.792.448	679.649.517.516	3.785.779.164	691.471.089.128
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	-	1.367.454.093.045	671.731.517	1.368.125.824.562
Số cuối năm	-	726.393.449.187	304.827.915	726.698.277.102
Trong đó:				
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 21)	-	319.436.465.977	-	319.436.465.977

VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUẾ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên giá:		
Số đầu năm và số cuối năm	176.198.181.890	
Giá trị khấu hao lũy kế:		
Số đầu năm	29.528.402.986	
Khấu hao trong năm	22.024.771.896	
Số cuối năm	51.553.174.882	
Giá trị còn lại:		
Số đầu năm	146.669.778.904	
Số cuối năm	124.645.007.008	

VND
Phương tiện vận tải

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	10.752.671.571	13.406.081.194
Bảo hiểm vật chất xe và bảo hiểm dân sự	7.044.688.569	9.797.294.458
Phí bảo trì đường bộ	2.877.644.049	1.642.239.089
Khác	830.338.953	1.966.547.647
Dài hạn	49.584.000.081	52.255.899.511
Tiền thuê văn phòng trả trước (*)	47.209.745.176	48.521.126.992
Công cụ, dụng cụ	1.705.463.593	2.833.632.597
Khác	668.791.312	901.139.922
TỔNG CỘNG	60.336.671.652	65.661.980.705

(*) Đây là khoản tiền trả trước tiền thuê văn phòng của Công ty tại Số 648, Đường Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiếp thị	6.184.046.481	3.776.523.884
Bảo hiểm xe	2.943.465.361	2.060.878.201
Nhà cung cấp vật tư phụ tùng	2.546.940.089	8.380.754.939
Nhà cung cấp xăng	152.647.301	389.070.584
Nhà cung cấp khác trong nước	3.794.154.515	3.133.679.999
TỔNG CỘNG	15.621.253.747	17.740.907.607

VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ứng trước về thanh lý tài sản cố định	6.263.817	18.223.735.000
Khác	618.626.562	232.318.986
TỔNG CỘNG	624.890.379	18.456.053.986

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	237.272.411	10.862.858	(35.137.342)	212.997.927
Thuế giá trị gia tăng	893.144.954	-	(778.603.734)	114.541.220
Thuế thu nhập doanh nghiệp	65.139.498	-	-	65.139.498
TỔNG CỘNG	1.195.556.863	10.862.858	(813.741.076)	392.678.645
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	16.480.066.901	84.312.739.265	(80.650.462.717)	20.142.343.449
Thuế thu nhập cá nhân	2.255.537.540	143.886.316	(2.399.423.856)	-
Thuế khác	-	38.500.000	(38.500.000)	-
TỔNG CỘNG	18.735.604.441	84.495.125.581	(83.088.386.573)	20.142.343.449

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thưởng đối tác tài xế	2.573.339.736	2.199.964.384
Khác	892.439.977	1.271.310.814
TỔNG CỘNG	3.465.779.713	3.471.275.198

18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho thuê thiết bị và nhãn hiệu	2.196.466.491	5.257.477.853
Khác	1.074.969.225	937.633.809
TỔNG CỘNG	3.271.435.716	6.195.111.662

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận ký quỹ từ tài xế taxi	38.647.985.109	40.874.337.036
Bảo hiểm vật chất xe	1.669.634.073	1.870.360.526
Chi phí lãi vay	1.414.689.387	1.813.216.510
Cổ tức phải trả	456.524.500	526.998.600
Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	428.421.937	1.141.421.937
Khác	5.958.043.471	6.237.150.739
TỔNG CỘNG	48.575.298.477	52.463.485.348

20. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận ký quỹ từ khách hàng	51.142.519.952	52.391.357.352
Nhận ký quỹ từ tài xế taxi	24.904.702.955	41.328.593.628
Dự phòng trợ cấp thôi việc	4.159.485.150	5.860.806.783
Nhận ký quỹ tiền cho thuê mặt bằng	1.500.000.000	1.500.000.000
TỔNG CỘNG	81.706.708.057	101.080.757.763

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Vay dài hạn đến hạn trả từ ngân hàng (Thuyết minh số 21.1)	91.642.389.995	138.076.616.975
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 21.2)	39.206.141.662	34.197.924.996
Dài hạn	57.767.890.314	169.802.382.629
Vay dài hạn từ các ngân hàng (Thuyết minh số 21.1)	32.764.090.302	113.134.126.371
Nợ thuế tài chính dài hạn (Thuyết minh số 21.2)	25.003.800.012	56.668.256.258
TỔNG CỘNG	188.616.421.971	342.076.924.600

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21.1 Vay dài hạn từ các ngân hàng

Nhóm Công ty đã vay các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng thương mại để mua phương tiện vận tải phục vụ cho việc kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi. Chi tiết các khoản vay dài hạn này được trình bày như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất /năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam				
Khoản vay số 1	80.643.916.654	Từ ngày 22 tháng 1 năm 2022 đến ngày 19 tháng 12 năm 2023	Lãi suất cơ sở + biên độ tối thiểu từ 2 - 2,8%	457 xe
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam				
Khoản vay số 1	28.980.118.643	Từ ngày 18 tháng 1 đến ngày 1 tháng 8 năm 2022	Lãi suất cơ bản + biên độ từ 1,5%	337 xe
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam				
Khoản vay số 1	14.782.445.000	Từ ngày 26 tháng 1 năm 2022 đến ngày 31 tháng 8 năm 2024	Lãi suất cơ sở + biên độ tối thiểu từ 2,5 - 3%	70 xe
TỔNG CỘNG	124.406.480.297			
<i>Trong đó:</i>				
Vay dài hạn đến hạn trả	91.642.389.995			
Vay dài hạn	32.764.090.302			

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21.2 Nợ thuê tài chính

Nhóm Công ty hiện đang thuê phương tiện vận tải theo hợp đồng thuê tài chính với Công ty Cho thuê Tài chính Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam và Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu. Các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm		VND
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Lãi thuê tài chính	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Lãi thuê tài chính	
Dưới 1 năm	42.989.826.136	3.783.684.474	40.457.794.557	6.259.869.561	34.197.924.996
Từ 1 - 5 năm	26.004.775.113	1.000.975.101	61.146.459.674	4.478.203.416	56.668.256.258
TỔNG CỘNG	68.994.601.249	4.784.659.575	101.604.254.231	10.738.072.977	90.866.181.254
21.3 Tăng (giảm) các khoản vay và nợ thuê tài chính					
<i>Tình hình tăng (giảm) các khoản vay và nợ thuê tài chính trong năm như sau:</i>					
	Số đầu năm	Đã trả trong năm	Số cuối năm	VND	
Vay ngân hàng	251.210.743.346	(126.804.263.049)	124.406.480.297		
Nợ thuê tài chính	90.866.181.254	(26.656.239.580)	64.209.941.674		
TỔNG CỘNG	342.076.924.600	(153.460.502.629)	188.616.421.971		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

		VND			
		Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
					Tổng cộng
22. VỐN CHỦ SỞ HỮU					
22.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu					
Năm trước					
Số đầu năm	678.591.920.000	86.929.263.110	268.688.372.802	649.746.966.401	1.683.956.522.313
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(207.021.932.378)	(207.021.932.378)
Giảm khác	-	-	-	(624.000.000)	(624.000.000)
Số cuối năm	678.591.920.000	86.929.263.110	268.688.372.802	442.101.034.023	1.476.310.589.935
Năm nay					
Số đầu năm	678.591.920.000	86.929.263.110	268.688.372.802	442.101.034.023	1.476.310.589.935
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(273.173.148.310)	(273.173.148.310)
Giảm khác	-	-	-	(624.000.000)	(624.000.000)
Số cuối năm	678.591.920.000	86.929.263.110	268.688.372.802	168.303.885.713	1.202.513.441.625

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**22.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã phát hành		
Số đầu năm và số cuối năm	678.591.920.000	678.591.920.000
Cổ tức		
Cổ tức đã trả bằng tiền	70.474.100	67.724.879.370

22.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	67.859.192	67.859.192
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	67.859.192	67.859.192
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	67.859.192	67.859.192

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

23. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐỒNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn điều lệ đã góp	4.000.000.000	4.000.000.000
(Lỗ lũy kế) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(321.036.534)	3.672.894.157
TỔNG CỘNG	3.678.963.466	7.672.894.157

Chi tiết tình hình tăng (giảm) lợi ích của cổ đông không kiểm soát:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	7.672.894.157	11.229.350.420
Lỗ thuần trong năm	(3.993.930.691)	(3.556.456.263)
Số cuối năm	3.678.963.466	7.672.894.157

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi (*)	396.564.654.942	867.986.138.871
Doanh thu từ kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng	81.901.113.560	127.275.762.143
Khác	6.214.177.253	10.740.450.706
TỔNG CỘNG	484.679.945.755	1.006.002.351.720

(*) Doanh thu từ cung cấp dịch vụ taxi bao gồm doanh thu từ các phương thức: dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi, nhượng quyền và hợp tác để cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi.

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	10.207.008.212	6.620.775.056
Khác	-	15.069.923
TỔNG CỘNG	10.207.008.212	6.635.844.979

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi (*)	522.705.599.477	888.276.947.251
Giá vốn dịch vụ kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng	87.267.530.215	135.919.251.551
Khác	6.383.535.189	10.427.919.520
TỔNG CỘNG	616.356.664.881	1.034.624.118.322

(*) Giá vốn cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi bao gồm giá vốn từ vận tải hành khách bằng taxi, nhượng quyền và hợp tác để cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	18.319.176.255	36.047.457.020
Lỗ chênh lệch tỷ giá	49.877.781	22.938.504
TỔNG CỘNG	18.369.054.036	36.070.395.524

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	63.767.668.492	118.918.407.686
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.597.020.561	71.486.906.066
Chi phí nhân viên	24.923.489.905	44.991.739.962
Khác	1.247.158.026	2.439.761.658
Chi phí quản lý doanh nghiệp	62.931.173.687	98.253.858.851
Chi phí nhân viên	31.668.911.359	54.236.436.649
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.141.772.638	32.840.540.395
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.687.470.309	2.878.893.364
Khác	4.433.019.381	8.297.988.443
TỔNG CỘNG	126.698.842.179	217.172.266.537

28. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	15.802.114.530	67.978.038.272
Thu nhập từ quảng cáo trên taxi	9.057.034.400	32.017.505.322
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	-	24.578.670.004
Khác	6.745.080.130	11.381.862.946
Chi phí khác	(26.014.592.928)	(3.464.580.561)
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	(23.802.434.011)	-
Chi phí quảng cáo trên taxi	(2.017.190.000)	(2.837.596.490)
Khác	(194.968.917)	(626.984.071)
(LỖ) LỢI NHUẬN KHÁC	(10.212.478.398)	64.513.457.711

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YÊU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí khấu hao và hao mòn	274.126.385.026	378.386.683.947
Chi phí nhân viên	251.296.945.792	490.171.934.889
Chi phí phụ tùng và nhiên liệu	88.358.792.363	184.519.086.377
Chi phí dịch vụ mua ngoài	113.180.254.535	166.374.837.947
Khác	16.093.129.344	32.343.841.699
TỔNG CỘNG	743.055.507.060	1.251.796.384.859

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Trong năm, Công ty và công ty con phát sinh lỗ, do đó, Nhóm Công ty không trích thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Các báo cáo thuế của Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

30.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	416.993.474	(136.737.332)
TỔNG CỘNG	416.993.474	(136.737.332)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lỗ kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lỗ kế toán trước thuế	(276.750.085.527)	(210.715.125.973)
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Nhóm Công ty	(55.350.017.105)	(42.143.025.195)
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.426.475.881	1.636.308.995
Thuế TNDN hoãn lại ghi nhận các năm trước	-	(136.737.332)
Tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận liên quan đến lỗ thuế có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai	54.340.534.698	40.506.716.200
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN	416.993.474	(136.737.332)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện hành. Thu nhập chịu thuế (lỗ thuế) của Nhóm Công ty khác với lỗ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

30.3 Thuế TNDN hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại với biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	VND			
	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Dự phòng trợ cấp thôi việc	831.897.030	1.172.161.357	(340.264.327)	(49.146.144)
Trích trước chi phí quà tặng và thưởng	617.685.548	694.414.695	(76.729.147)	185.883.476
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.449.582.578	1.866.576.052		
(Chi phí) thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất			(416.993.474)	136.737.332

30.4 Lỗ chuyển sang các năm sau

Nhóm Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang các năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng năm (5) năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Nhóm Công ty có khoản lỗ lũy kế ước tính với tổng giá trị là 469.628.527.401 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 197.925.853.911 VND) có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

	VND					
Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2021	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	
2020	2025	197.925.853.911	-	-	197.925.853.911	
2021	2026	271.702.673.490	-	-	271.702.673.490	
TỔNG CỘNG		469.628.527.401	-	-	469.628.527.401	

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Nhóm Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.5 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi

Nhóm Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản mục sau do không ước tính được chắc chắn thu nhập chịu thuế trong tương lai:

	VND Số tiền
Lỗ thuế chuyển sang các năm sau (Thuyết minh số 30.4)	469.628.527.401

31. GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc như sau:

		VND	
		Năm nay	Năm trước
Ông Đặng Phước Thành	Chủ tịch	282.800.000	451.040.000
Bà Đặng Thị Lan Phương	Tổng Giám đốc	322.597.178	459.440.000
Ông Đặng Thành Duy	Phó Tổng Giám đốc	485.802.008	593.092.500
Ông Tạ Long Hỷ	Phó Tổng Giám đốc	310.273.914	439.580.000
Ông Huỳnh Văn Sĩ	Phó Tổng Giám đốc	310.273.914	439.580.000
Ông Trần Anh Minh	Phó Tổng Giám đốc	297.892.097	422.780.000
Ông Trương Đình Quý	Phó Tổng Giám đốc	297.095.653	422.780.000
Bà Đặng Phước Hoàng Mai	Phó Tổng Giám đốc	272.841.302	349.880.000
Ông Nguyễn Bảo Toàn	Phó Tổng Giám đốc	266.334.753	363.080.000
Bà Nguyễn Thị Đăng Thư	Phó Tổng Giám đốc	255.021.277	333.420.426
Ông Nguyễn Văn Mác	Phó Tổng Giám đốc	205.007.246	20.000.000
Ông Nguyễn Trọng Duy	Phó Tổng Giám đốc	-	259.011.111
		3.305.939.342	4.553.684.037

32. LỖ TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lỗ thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	(273.797.148.310)	(207.645.932.378)
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	67.859.192	67.859.192
Lỗ trên cổ phiếu (VND) Lỗ cơ bản và lỗ suy giảm	(4.035)	(3.060)

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm nào vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê một số văn phòng và xưởng sửa chữa xe theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Dưới 1 năm	1.874.691.148	10.378.136.285
Từ 1 đến 5 năm	2.059.464.664	23.353.627.522
Trên 5 năm	-	4.342.541.000
TỔNG CỘNG	3.934.155.812	38.074.304.807

34. DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày báo cáo tài chính hợp nhất năm nay.

35. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.


Thái Thị Mộng Tuyền
Người lập


Đặng Hoàng Sang
Kế toán trưởng


Đặng Thị Lan Phương
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2022



CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG VIỆT NAM

Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 20 tháng 04 năm 2022

Người đại diện theo pháp luật



TỔNG GIÁM ĐỐC
Dặng Thị Lan Phương